



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09/CBTT-CTMTĐT

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi**

Mã chứng khoán: **MQN**

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Tô Hiến Thành, phường Trần Phú, thành phố
Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 0255.3816930

Fax: 0255.3816930

Website: moitruongdothiquangngai.com.vn

Người công bố thông tin: **Bùi Văn Quang**

Chức danh: **Tổng Giám đốc Công ty**

Điện thoại: 0914080135

Loại công bố thông tin:

24h 72h Theo yêu cầu Bất thường Định Kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty
Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào
ngày 05/4/2023 tại đường dẫn moitruongdothiquangngai.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PC^{Thảo}.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Quang



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: Đường Tô Hiến Thành, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: (0255) 3 816 930

Fax: (0255) 3 816 930

Email: info@mqn.vn

www.mqn.vn

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



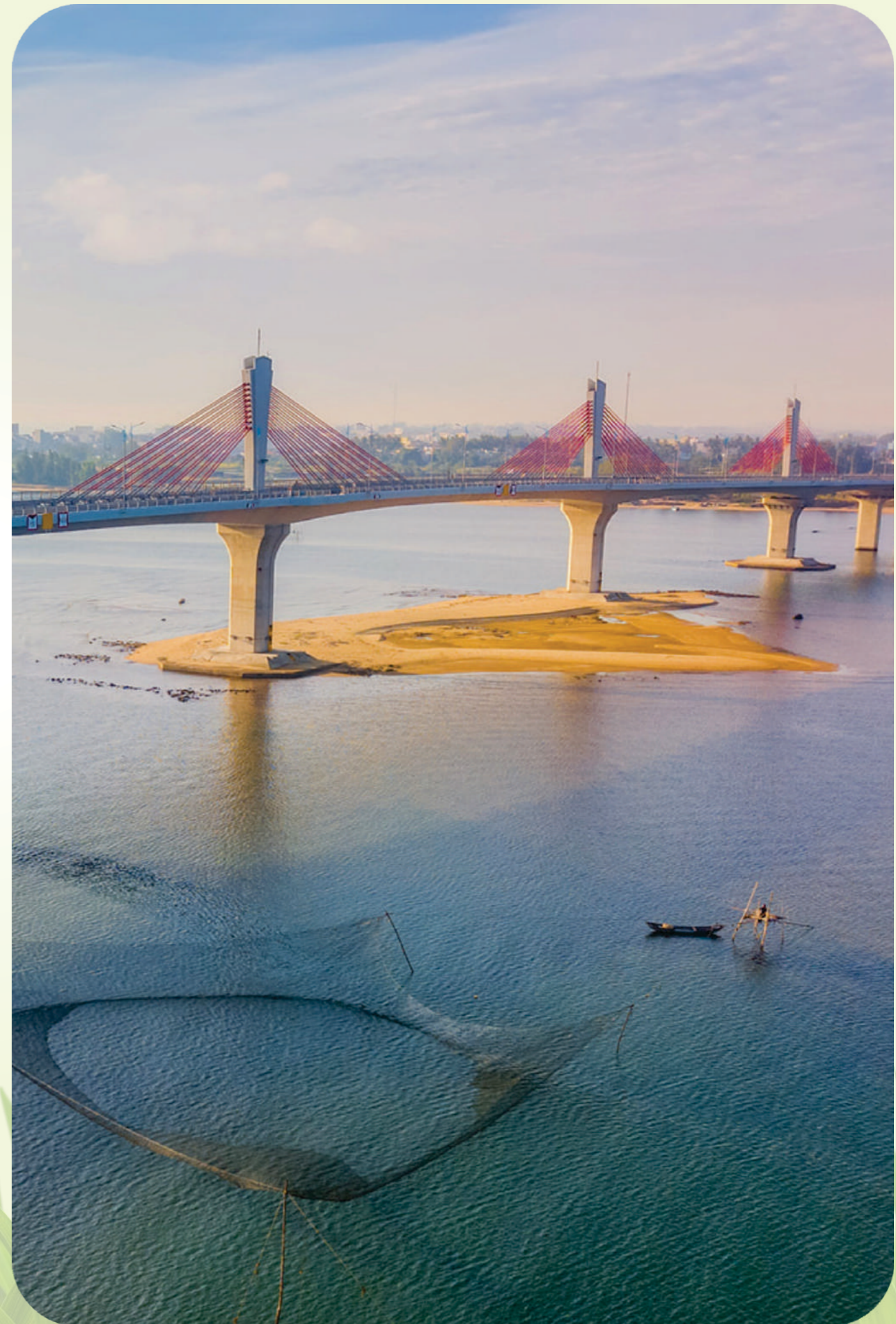
THÔNG TIN CHUNG

- THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- CÁC RỦI RO

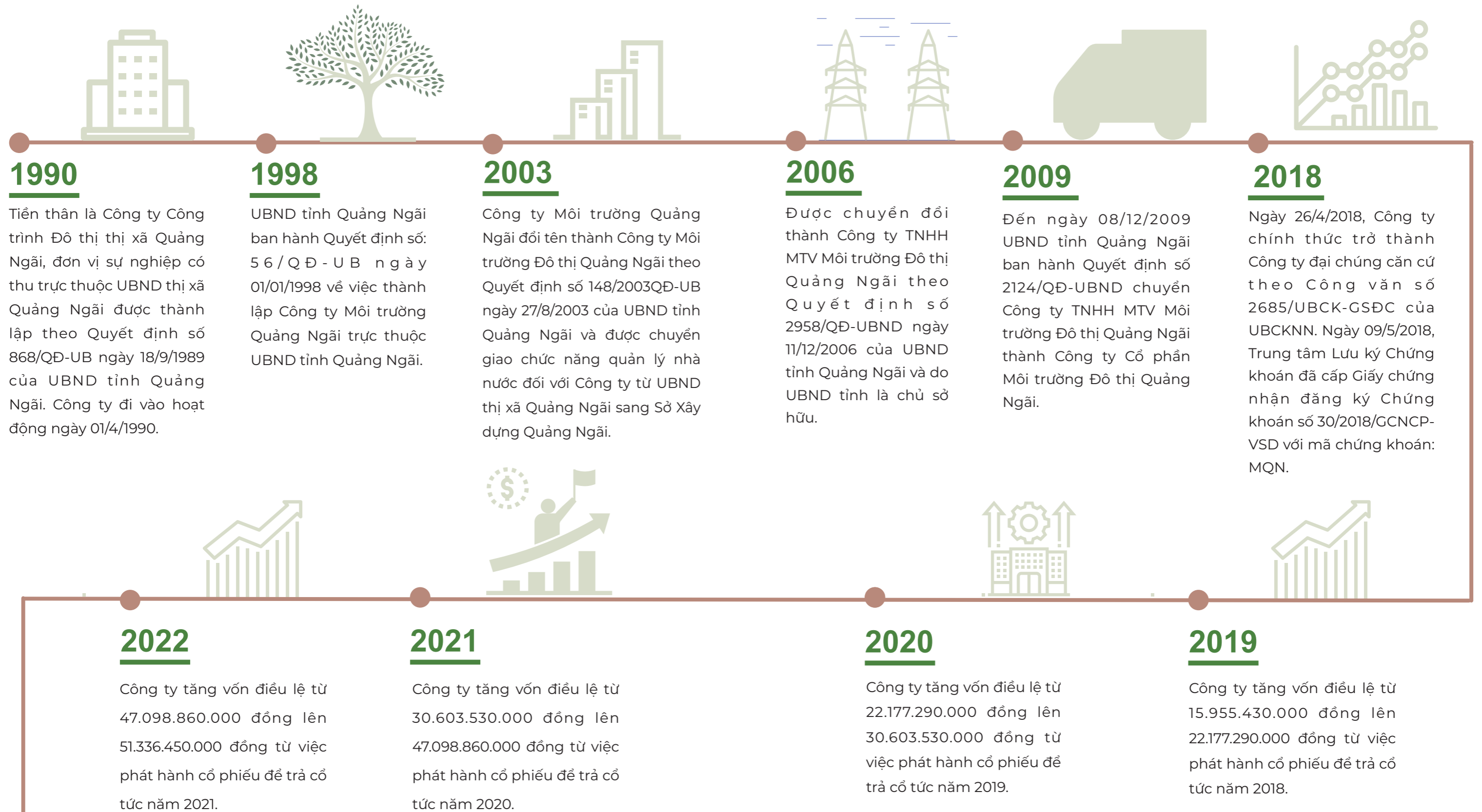


THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI
- Tên Tiếng Anh: QUANG NGAI URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 4300225555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 16/12/2009 và cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 14/09/2022.
- Vốn điều lệ: 51.336.450.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 51.336.450.000 đồng.
- Địa chỉ: Đường Tô Hiến Thành, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại: (0255) 3 816 930
- Fax: (0255) 3 816 930
- Website: <https://moitruongdothiquangngai.com.vn/>
- Mã cổ phiếu: MQN



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

➤ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Trồng hoa, cây cảnh; Trồng rau, trồng đậu các loại (Mã ngành 8130, 0118).
- Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải các loại (Mã ngành 3811, 3812, 3821, 3822).
- Quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống điện chiếu sáng công cộng và đèn tín hiệu giao thông, đèn trang trí (Mã ngành 4221, 4321)
- Quản lý, duy tu, cải tạo hệ thống thoát nước đô thị (Mã ngành 3700, 4322).
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ (Mã ngành 9632).
- Xây dựng công trình công ích (Mã ngành 4229).
- Ngoài ra, Công ty còn có các hoạt động kinh doanh khác theo đúng ngành nghề đã được cấp phép.

➤ ĐỊA BÀN KINH DOANH

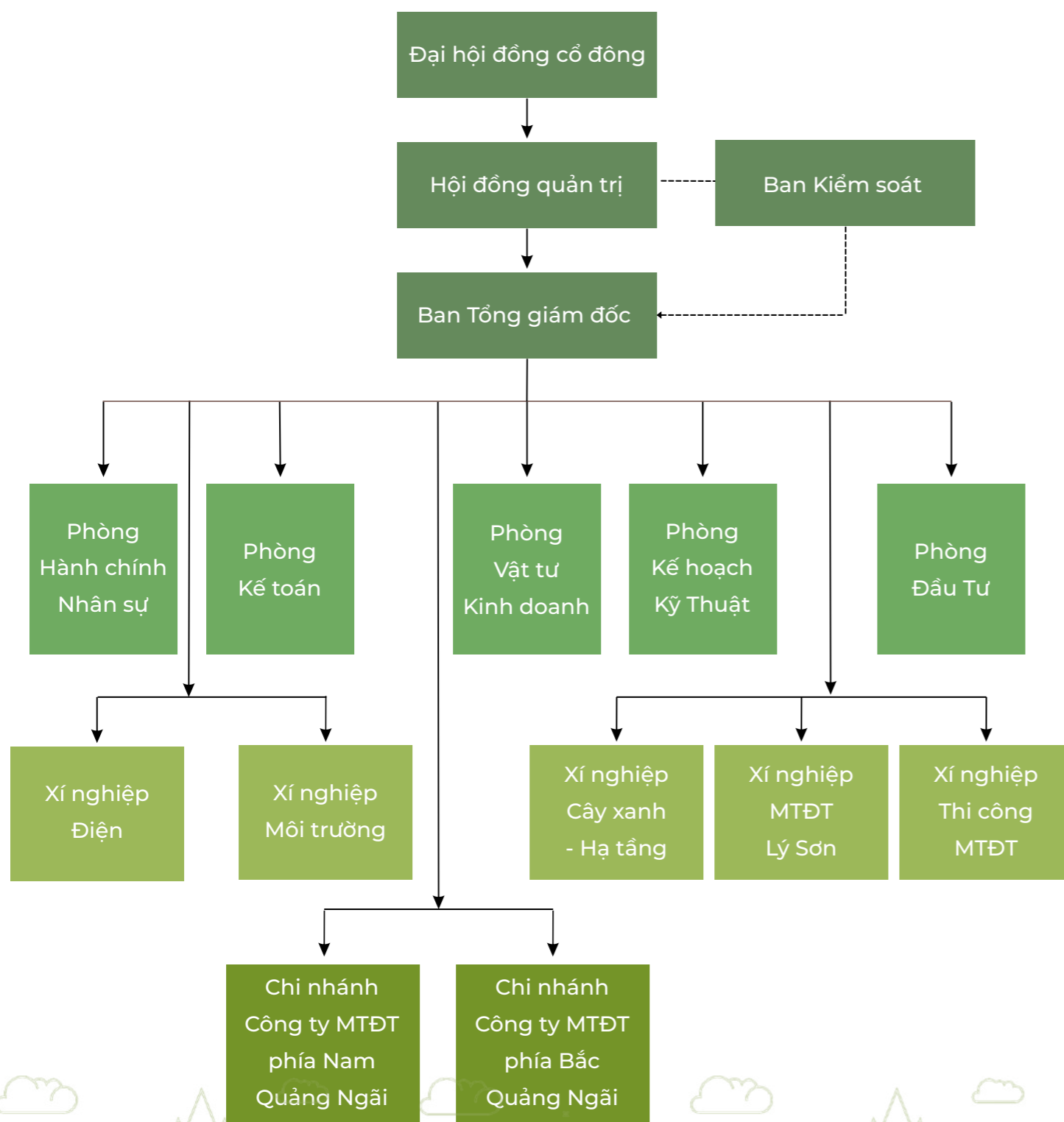
- Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;
- Huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- Huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;
- Thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



STT	Tên công ty con/công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	Số 2181, đường Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Dịch vụ công ích: Vệ sinh môi trường; Chăm sóc cây xanh; Hệ thống điện chiếu sáng công cộng; Hệ thống thoát nước đô thị,...	53.455.600.000 đồng (Năm mươi ba tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng)	95,74%	Công ty con
2	Công ty CP Xử lý Rác Tổng hợp Quảng Ngãi	Đường Tô Hiến Thành, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Xử lý rác tổng hợp	5.000.000.000 (Năm tỷ đồng)	50%	Công ty liên kết

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

➤ CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY:

- Chất lượng sản phẩm dịch vụ: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ các địa bàn Công ty thực hiện.
- Thị phần: Chiếm thị phần chi phối trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Thương hiệu: Đẩy mạnh và phát triển thương hiệu MQN tại địa phương và các tỉnh khác.
- Đầu tư trang bị thêm cơ sở vật chất, khai thác và sử dụng có hiệu quả các phương tiện, trang thiết bị hiện có đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh trong cơ chế quản lý và thực hiện dịch vụ trên địa bàn
- Thu nhập người lao động:
 1. Thu nhập của người lao động trên mức trung bình so với thu nhập bình quân chung tại địa phương;
 2. Đảm bảo đầy đủ chế độ phúc lợi cho người lao động.

➤ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN:

Với định hướng trở thành một đơn vị hàng đầu về dịch vụ công ích, tạo được sự hài lòng và niềm tin của khách hàng, trong thời gian đến Công ty sẽ huy động mọi nguồn lực và kinh nghiệm sẵn có kết hợp với việc mở rộng đầu tư theo định hướng sau:

- Duy trì vị trí hàng đầu trong ngành nghề kinh doanh dịch vụ công ích tại tỉnh Quảng Ngãi.
- Tập trung huy động mọi nguồn lực, tiếp tục mở rộng thị trường và phạm vi hoạt động, phát huy thế mạnh ngành nghề của Công ty.
- Phấn đấu xây dựng văn hóa doanh nghiệp có tính đặc thù riêng thể hiện được giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, tạo được ấn tượng với xã hội và khách hàng.
- Hoàn thiện bộ máy quản lý điều hành theo hướng chuyên môn hóa, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tăng năng suất lao động.
- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, cắt giảm các chi phí không cần thiết. Kiểm soát đầu tư hiệu quả, tối ưu chi phí vốn vay.
- Số hóa các quy trình nghiệp vụ. Hoàn thiện các hệ thống quản lý theo hướng tích hợp, hợp nhất và xuyên suốt để đẩy mạnh việc tự động hóa các quy trình nghiệp vụ, quản lý trong Công ty. Từ đó có giải pháp tối ưu chi phí trong vận hành, kinh doanh.
- Đầu tư mua sắm thiết bị đổi mới công nghệ đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian đến.

➤ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Luôn xác định việc giữ môi trường SÁNG – XANH – SẠCH – ĐẸP là mục tiêu hàng đầu.
- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và công nghệ, huấn luyện và đào tạo người lao động về lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Tham gia các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường.
- Áp dụng công nghệ sạch, ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu và năng lượng.
- Chăm lo đời sống của người lao động, quan tâm đóng góp giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trong Công ty và trong cộng đồng.



CÁC RỦI RO

➤ RỦI RO VỀ KINH TẾ:

- Năm 2022 là năm vẫn còn ảnh hưởng bởi dịch Covid, nền kinh tế đang bước đầu khôi phục và có những hướng phát triển mới mẻ, đòi hỏi doanh nghiệp phải kịp thời thích ứng với những thay đổi trên. Do đó, Ban Lãnh đạo cùng với toàn thể người lao động đã cố gắng, nỗ lực tìm kiếm những giải pháp để thích nghi với tình hình mới.

➤ RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT:

- Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng, lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký và hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích nên Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Luật và các văn bản dưới luật liên quan đến các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, vì là công ty hoạt động về lĩnh vực môi trường nên công ty bị tác động thêm bởi những quy chuẩn về bảo vệ môi trường và cảnh quan để đảm bảo đúng với chỉ đạo của Nhà nước.
- Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty luôn theo dõi và cập nhật những văn bản mới nhất của pháp luật Việt Nam để có những điều chỉnh về hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.

➤ RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG:

- Môi trường luôn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích nên yếu tố môi trường được Công ty đặt lên hàng đầu.
- Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa phát triển đi đôi với việc lượng rác thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt cũng tăng đáng kể, đồng thời ý thức của một số bộ phận người dân còn chưa cao, xả rác bừa bãi, tự ý bỏ rác tại những nơi không được quy định gây tình trạng ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan đô thị, ... Đây là một thách thức lớn tác động đến các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ công ích trong lĩnh vực môi trường nói chung và MQN nói riêng.

- Trước tình hình đó, Công ty đã nhanh chóng triển khai các kế hoạch bảo vệ môi trường. Công ty luôn chủ động phối hợp với cơ quan địa phương trong việc đẩy mạnh tuyên truyền, đưa việc bảo vệ môi trường vào trong nội dung các cuộc họp tổ dân phố, thường xuyên phát động các phong trào xanh – sạch – đẹp, từ đó, góp phần nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường.

➤ RỦI RO CẠNH TRANH:

- Hiện nay, theo chủ trương của Nhà nước, việc áp dụng đấu thầu đối với các hoạt động dịch vụ công ích nhằm thu hút sự tham gia từ các doanh nghiệp tư nhân, nâng cao tính cạnh tranh và cải thiện chất lượng dịch vụ dẫn đến thị trường ngành dịch vụ công ích ngày càng gay gắt, cạnh tranh khốc liệt với các công ty cùng ngành trong nước. Trước rủi ro cạnh tranh ngày càng cao, Công ty đặt mục tiêu về chất lượng lên hàng đầu, đồng thời tối ưu hóa chi phí nhằm tăng lợi thế với các đơn vị cùng ngành.

➤ RỦI RO GIÁ:

- Ngành môi trường cạnh quan được xem như ngành đặc thù dưới sự hỗ trợ của nhà nước. Vì vậy, Công ty phụ thuộc rất nhiều vào giá đầu ra do nhà nước quyết định. Tuy nhiên, giá nguyên vật liệu đầu vào ngày một tăng, cùng với chi phí nhân công tăng cao. Điều này đã kéo theo chi phí đầu vào tăng đã tác động trực tiếp đến doanh thu của Công ty.
- Thấy được những rủi ro trên, Công ty đề ra những kế hoạch kinh doanh phù hợp, đa dạng hóa dịch vụ nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

➤ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM :

Theo định hướng của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty về việc tiếp cận, mở rộng thị trường mới, gia tăng thị phần trong lĩnh vực dịch vụ công, ngoài địa bàn thành phố thì từ năm 2021 đến nay, Công ty đã ký kết thêm các hợp đồng dịch vụ công ích thực hiện trên địa bàn huyện Tư Nghĩa, huyện Nghĩa Hành, huyện Sơn Tịnh và thị xã Đức Phổ; đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ là mục tiêu đặt ra hàng đầu nhằm tạo uy tín, thương hiệu trong lĩnh vực cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh, cụ thể doanh thu năm 2022 phần Công ty MQN thực hiện đạt 218,37 tỷ đồng tăng 9,46% so với năm 2021; doanh thu hợp nhất đạt 375,38 tỷ đồng, tăng 20,2% so với năm liền kề trước đó.

➤ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH :

1. Tình hình thực hiện so với kế hoạch của Công ty mẹ :

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)	% Tăng (giảm) so với năm 2021
1	Doanh thu thuần	199.508	218.372	9,46%
2	Giá vốn hàng bán	157.945	182.981	15,85%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	582	3.555	510,82%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	14.162	24.504	73,03%
5	Lợi nhuận trước thuế	14.183	23.467	65,46%
6	Lợi nhuận sau thuế	11.015	18.500	67,95%

Trong bối cảnh thị trường chung gặp nhiều khó khăn, Công ty mẹ đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nhờ đó, kết quả hoạt động kinh doanh trong năm đạt được kết quả khả quan. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 218,372 tỷ đồng, tăng 9,46% so với năm 2021. Bên cạnh đó, khối đại đoàn kết Công ty luôn duy trì, ý thức trong lao động được nâng cao, góp phần mang lại kết quả khả quan năm 2022.

2. Tình hình thực hiện theo báo cáo hợp nhất :

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)	% Tăng (giảm) so với năm 2021
1	Doanh thu thuần	312.307	375.378	20,20%
2	Giá vốn hàng bán	260.800	312.124	19,68%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	701	2.349	235,09%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	23.927	23.958	0,13%
5	Lợi nhuận trước thuế	24.082	22.233	-7,68%
6	Lợi nhuận sau thuế	18.833	17.584	-6,63%

Kết quả đạt được qua báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán như sau:

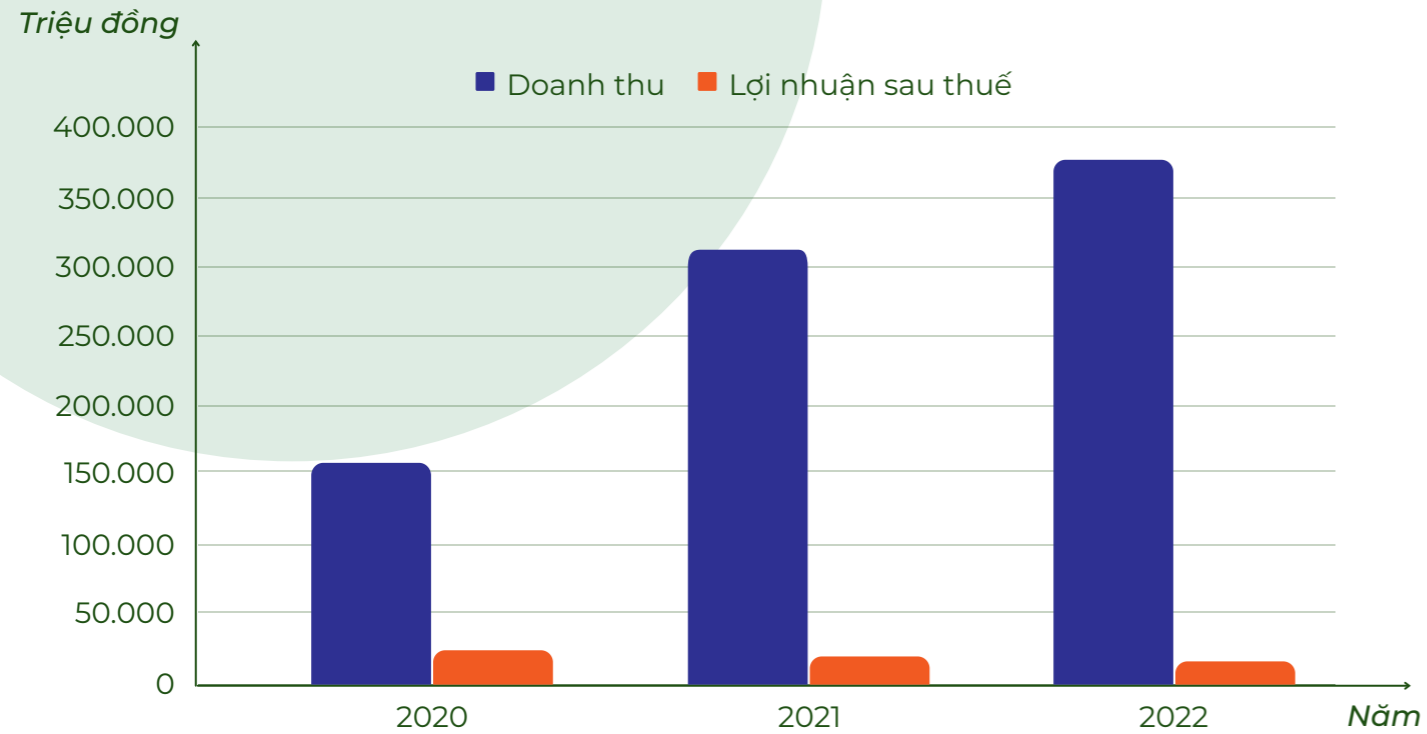
- ✓ Doanh thu thuần đạt 375,378 tỷ đồng, tăng 20,2% so với năm 2021.
- ✓ Lợi nhuận trước thuế đạt 22,233 tỷ đồng, giảm 7,68% so với năm 2021.

➤ CHI TIẾT DOANH THU THUẦN :

ĐVT: Triệu đồng

STT	Công ty mẹ/Công ty con	Năm 2021	Năm 2022
1	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi	199.508	218.372
2	Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	112.799	157.006
	TỔNG CỘNG	312.307	375.378

➤ BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN QUA CÁC NĂM:



Doanh thu Thuần	152,204	312,307	375,378
Lợi nhuận sau thuế	21,253	18,833	17,584

· Doanh thu thuần từ 2020 - 2022 có sự tăng trưởng đáng kể và bền vững, cụ thể năm 2020 (doanh thu đạt: 152,204 tỷ đồng), năm 2021 (doanh thu đạt 312,307 tỷ đồng) và đến năm 2022 doanh thu đạt 375,378 tỷ đồng, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2021. Để có sự tăng trưởng doanh thu như vậy là nhờ vào sự chỉ đạo kịp thời về chủ trương, định hướng của HĐQT, sự nhạy bén của Ban Tổng Giám đốc Công ty và sự nỗ lực, tinh thần đoàn kết của toàn thể người lao động trong Công ty. Công ty đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành, sản xuất kinh doanh, mở rộng địa bàn hoạt động... phát huy các lợi thế hiện có và khắc phục những khó khăn để đảm bảo sự tăng trưởng doanh thu qua các năm.

· Lợi nhuận sau thuế qua các năm đạt kế hoạch chỉ tiêu đề ra hàng năm. Tuy nhiên, lợi nhuận năm 2022 thấp hơn năm 2021 vì trong thời gian 6 tháng đầu năm 2022 trở lại đây, Công ty bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Số lượng người nhiễm Covid tăng cao tại Công ty trong thời gian này. Do đó, để đảm bảo an toàn trong công tác sản xuất hàng ngày, chi phí liên quan đến công tác phòng chống dịch bệnh tăng cao, chi phí ủng hộ địa phương, các tổ chức đoàn thể để chung tay đẩy lùi đại dịch Covid-19; đồng thời với việc mở rộng, tiếp cận thị trường mới theo chủ trương, định hướng của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhằm gia tăng thị phần trong lĩnh vực dịch vụ công và nâng cao chất lượng dịch vụ là mục tiêu đặt ra hàng đầu nhằm tạo uy tín, thương hiệu trong lĩnh vực cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh, vì vậy chi phí tăng nhiều để phục vụ cho công tác tiếp thị và nâng cao chất lượng dịch vụ.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Ông LÊ ĐĂNG TRIỀU

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 1981 • Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu hầm.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2005 đến 2010	Đội trưởng - Công ty Thi công cơ giới 1	Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 1
Từ 2010 đến 12/2019	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính
Từ 2015 đến nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Công ty TNHH Đầu tư, Thương mại và Xây dựng Đức Thịnh.
Từ 08/2018 đến 2/2019	Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường xanh Quảng Ngãi
Từ 01/3/2019 đến 25/4/2019	Thành viên HĐQT, Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường xanh Quảng Ngãi
Từ 26/4/2019 đến 3/6/2021	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường xanh Quảng Ngãi
Từ 11/2019 đến 12/2021	Thành viên HĐQT	Công ty CP Đầu tư Năng lượng, nông nghiệp chất lượng cao
Từ 01/2020 đến 9/2020	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hợp Nghĩa.
Từ 02/2020 đến 12/2021	Thành viên HĐQT	Công ty CP Đầu tư Điện năng Ba Tơ.
Từ 07/2020 đến 6/2021	Thành viên HĐQT	Công ty CP Đầu tư Điện năng Đức Phổ.
Từ 27/9/2020 đến 19/11/2020	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Công ty CP Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa
Từ 20/11/2020 đến nay	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Công ty CP Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa
Từ 15/12/2020 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 01/01/2021 đến nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 28/11/2022 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Đầu tư Xây dựng TM Trần Gia Hân

Bà NGUYỄN THỊ THU DUNG

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 1989 • Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật Kinh doanh, Thạc sỹ luật Kinh tế.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2011 đến 2013	Nhân viên Tư vấn	Công ty Luật Hợp danh Phước Lý.
Từ 12/2013 đến 31/01/2014	Chuyên viên	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
Từ 01/2015 đến 09/2015	Chuyên viên	Phòng Thực quyền công tố và Kiểm sát xét xử các vụ án kinh tế, chức vụ, tham nhũng, an ninh, ma túy – Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Từ 10/2015 đến 3/2019	Kiểm sát viên	Viện thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm án hình sự - Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
Từ 04/2019 đến 11/2019	Học khóa Tiếng Anh pháp lý	Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh
Từ 12/2019 đến 02/2020	Tham gia chương trình thực tế tại Australia	
Từ 3/2020 đến 8/2020	Trợ lý Ban lãnh đạo	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 6/2020 đến 12/2021	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 9/2020 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 01/01/2021 đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi

Ông TRẦN THANH MINH

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 1980 • Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật – Học viện Kiểm sát TP. HCM.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2005 đến 2010	Phó Giám đốc	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Phúc Sinh.
Từ 2011 đến 2015	Tổng Giám đốc	Công ty CP Phúc Lộc Quảng Ngãi
Từ 2015 đến 2016	Tổng Giám đốc	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO.
Từ 2016 đến 2017	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Bình Minh Miền Trung
Từ 2017 đến 4/2019	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa.
Từ 5/2019 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 15/12/2020 đến 31/12/2020	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 12/04/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì.

Ông ĐOÀN NHẬT LINH

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 1984
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư – Cấp thoát nước – Môi trường nước, Thạc sĩ – Quản lý Kinh tế.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0,0036%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2009 đến 2014	Nhân viên phòng Kỹ thuật và Quản lý nhà	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 2015 đến 2016	Phó Giám đốc Xí nghiệp Môi trường	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 2016 đến 2020	Giám đốc Xí nghiệp Môi trường	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 4/2020 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 6/2020 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 07/12/2022 đến nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.

Ông BÙI VĂN QUANG

- Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
- Năm sinh: 1979
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường; cử nhân quản trị kinh doanh.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2002 đến 2003	Kỹ thuật công trường	Công ty Xây dựng công trình giao thông 515 - thuộc Tổng Công ty XDCT Giao thông 5 (CIENCO 5)
Từ 2003 đến 2008	Phó Trưởng phòng kỹ thuật	Công ty PHTT các KCN Quảng Ngãi – thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi
Từ 2008 đến 2013	Trưởng phòng dự án tại Quảng Ngãi	Công ty CP Đầu tư Khu Du lịch Phim trường Vina – thuộc Tập đoàn Tân Tạo (TP HCM)
Từ 2013 đến 2017	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CP Phúc Lộc Quảng Ngãi – thuộc Tập đoàn Phúc Lộc (Ninh Bình)
Từ 2017 đến 2018	Phó Giám đốc	Công ty CP Thương mại và Xây lắp Lê Phan
Từ 2018 đến 2019	Trưởng ban Phát triển quỹ đất dự án Bất động sản	Công ty CP Đất Xanh Quảng Ngãi – thuộc Công ty CP Đất Xanh Miền Trung (Đà Nẵng)
Từ 2020 đến 6/2021	Tổng Giám đốc	Công ty CP Xây dựng kinh doanh BĐS Đại Nghĩa
Từ 7/2021 đến nay	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 26/03/2022 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi

➤ DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

🌿 Ông BÙI VĂN QUANG

- Tổng Giám đốc
(thông tin như mục DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ)

🌿 Ông ĐOÀN NHẬT LINH

- Phó Tổng Giám đốc thường trực
(thông tin như mục DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ)

🌿 Ông NGUYỄN THỊ THU DUNG

- Phó Tổng Giám đốc
(thông tin như mục DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ)

🌿 Bà TRẦN THỊ THANH NGA

- Phó Tổng Giám đốc
- Năm sinh: 1988 • Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 10%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 4/2016 đến 7/2018	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Thanh Long.
Từ 4/2017 đến 9/2020	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa.
Từ 12/2017 đến 01/2021	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất.
Từ 11/2018 đến 8/2020	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Thiết bị cơ giới và Khai thác Khoáng sản Hợp Nghĩa.
Từ 3/2019 đến 9/2020	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa.
Từ ngày 01/10/2020 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa.
Từ 01/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 6/2021 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa
Từ 6/2021 đến 12/2021	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Hưng
Từ 11/2022 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Trần Gia Hân

🌿 Ông PHẠM TẤN VŨ

- Phó Tổng Giám đốc
- Năm sinh: 1981 • Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Lâm nghiệp.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0,22%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 02/2006 đến 10/2006	Cán bộ kỹ thuật	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 11/2006 đến 12/2011	Đội phó Đội ươm cây xanh	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 01/2012 đến 5/2015	Phó Giám đốc Xí nghiệp Công viên – Cây xanh	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 6/2015 đến 12/2020	Giám đốc Xí nghiệp Công viên – Cây xanh	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 02/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.

🌿 Ông VƯƠNG HÙNG VÂN

- Phó Tổng Giám đốc
- Năm sinh: 1980 • Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường - Cử nhân quản trị kinh doanh.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Năm 2003	Cán bộ kỹ thuật	Công ty Đầu tư Xây dựng và du lịch Dầu khí – Tĩnh Phong – Sơn Tĩnh – Quảng Ngãi.
Từ 2003 đến 2004	Chuyên viên Phòng Kế hoạch – Tài chính	Ban Quản lý KCN Dung Quất.
Từ 2004 đến 2007	Cán bộ quản lý đầu tư	Ban quản lý các dự án Nông Lâm nghiệp Dung Quất – BQL Khu Kinh tế Dung Quất.
Từ 2007 đến 2011	Phó phụ trách Phòng Kỹ thuật điều độ - Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp	Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Dung Quất.
Từ 2011 đến 2013	Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung CN Quảng Ngãi – Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Việt Nam
Từ 2013 đến 2015	Trợ lý Tổng Giám đốc; Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật	Công ty Cổ phần Phúc Lộc Quảng Ngãi

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2015 đến 2016	Giám đốc	Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Đông Thuận Phát
Từ 2016 đến 2018	Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa
Từ 2017 đến 2019	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Quảng Ngãi
Từ 2018 đến 7/2021	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Rạng Đông Quảng Ngãi.
Từ 2019 đến 12/2020	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Quảng Ngãi
Từ 12/2020 đến 26/03/2022	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Quảng Ngãi
Từ 12/2020 đến 7/2021	Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 7/2021 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Công ty cổ phần Tổng công ty đầu tư Hợp Nghĩa
Từ 08/2021 đến nay	Giám đốc	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Đông Thuận Phát
Từ 07/12/2022 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty MTĐT phía Bắc Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Quảng Ngãi

Ông CAO VĂN CA

- Phó Tổng Giám đốc
- Năm sinh: 1983 • Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ năm 2006 đến năm 2013	Chỉ huy trưởng Công ty xây dựng Thành Đạt	Công ty xây dựng Thành Đạt
Từ năm 2014 đến năm 2017	Chỉ huy trưởng Công ty TNHH Dịch vụ xây dựng Đạt Tiến	Công ty TNHH Dịch vụ xây dựng Đạt Tiến
Từ 01/05/2018 đến 30/08/2020	Chỉ huy trưởng công ty cổ phần đầu tư phát triển Hợp Nghĩa	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hợp Nghĩa
Từ 01/09/2020 đến 06/12/2022	Phó giám đốc xí nghiệp công viên - cây xanh	Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Quảng Ngãi
Từ 07/12/2022 đến nay	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty MTĐT phía Nam Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Quảng Ngãi

Ông VÕ VĂN HƯNG

- Kế toán trưởng
- Năm sinh: 1987
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 3/2007 đến 3/2009	Hành chính, Kế toán Đội xây lắp 1	Công ty Cổ phần Phát triển CSHT Quảng Ngãi.
Từ 01/2010 đến 7/2014	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Hiệp Phát
Từ 8/2014 đến 12/2019	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Hiệp Phát
Từ 01/2020 đến 12/2020	Phụ trách Kế toán tại Xí nghiệp Điện và Hạ tầng	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 01/2021 đến 02/2021	Phó Trưởng phòng, phụ trách Phòng Kế toán	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 3/2021 đến nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.



➤ DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT:

🌿 Bà PHẠM THỊ BÍCH LAI

- Trưởng Ban kiểm soát
- Năm sinh: 1983 • Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2004 đến 2013	Nhân viên Kế toán	Công ty TNHH xây lắp Quyết Thắng
Từ 2013 đến 5/2019	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Phúc Lộc Quảng Ngãi
Từ 5/2019 đến nay	Trưởng ban kiểm soát	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi

🌿 Bà NGUYỄN THỊ ANH TUYẾN

- Thành viên Ban kiểm soát
- Năm sinh: 1983 • Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân cao đẳng ngành công nghệ môi trường, Cử nhân kinh tế ngành quản trị kinh doanh.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0,05%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2005 đến 2012	Nhân viên Phòng kinh doanh	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi.
Từ 2012 đến 2016	Phó Phòng kinh doanh	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi.
Từ 2017 đến 2019	Trưởng Phòng kinh doanh	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi.
Từ 2019 đến nay	Trưởng phòng Vật tư kinh doanh	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi.
Từ 06/2020 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi.

🌿 Ông PHẠM ĐỨC CƯỜNG

- Thành viên Ban kiểm soát
- Năm sinh: 1983 • Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0,024%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2000 đến 2003	Nhân viên phòng Kỹ thuật	Công ty Cổ phần Xây dựng đô thị & KCN.

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2003 đến 02/2008	Chuyên viên thiết kế kết cấu và lập dự toán	TT tư vấn địa chất mỏ - Tổng Công ty xây dựng miền Trung.
Từ 3/2008 đến 12/2011	Chuyên viên phòng kỹ thuật	BQL DA CTMTĐTMT - Tiểu dự án Quảng Ngãi.
Từ 01/2012 đến 9/2019	Chuyên viên phòng kinh tế - kỹ thuật	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 10/2019 đến 12/2019	Phó Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 01/2020 đến 21/12/2020	Phó Giám đốc Xí nghiệp	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 22/12/2020 đến 12/05/2022	Giám đốc Xí nghiệp Môi trường	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 12/05/2022 đến 14/12/2022	Phó Trưởng phòng KHKT	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 15/12/2022 đến nay	Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Môi trường Đô thị Phía Bắc Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.

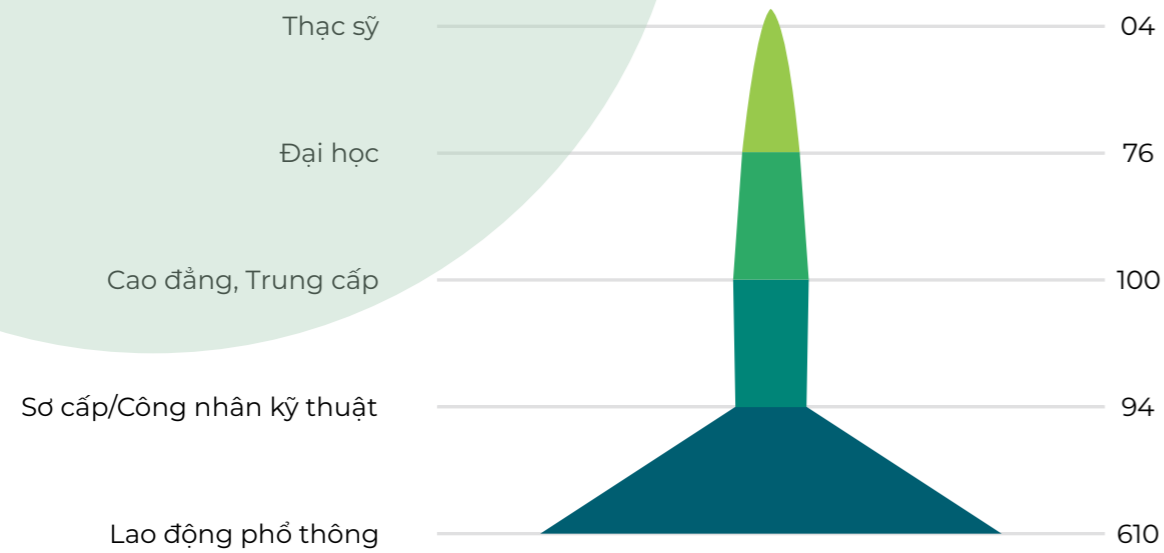
➤ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1	Bùi Văn Quang	Tổng Giám đốc	07/7/2021		
2	Nguyễn Thị Thu Dung	Phó TGD	01/9/2020		
3	Đoàn Nhật Linh	Phó TGD Trưởng Tước	07/12/2022		
4	Hồ Tấn Hoá	Phó TGD	01/01/2021	18/09/2022	
5	Trần Thị Thanh Nga	Phó TGD	01/01/2021		
6	Phạm Tấn Vũ	Phó TGD	08/02/2021		
7	Vương Hùng Vân	Phó TGD	07/12/2022		
8	Cao Văn Ca	Phó TGD	07/12/2022		
9	Võ Văn Hưng	Kế toán trưởng	08/3/2021		

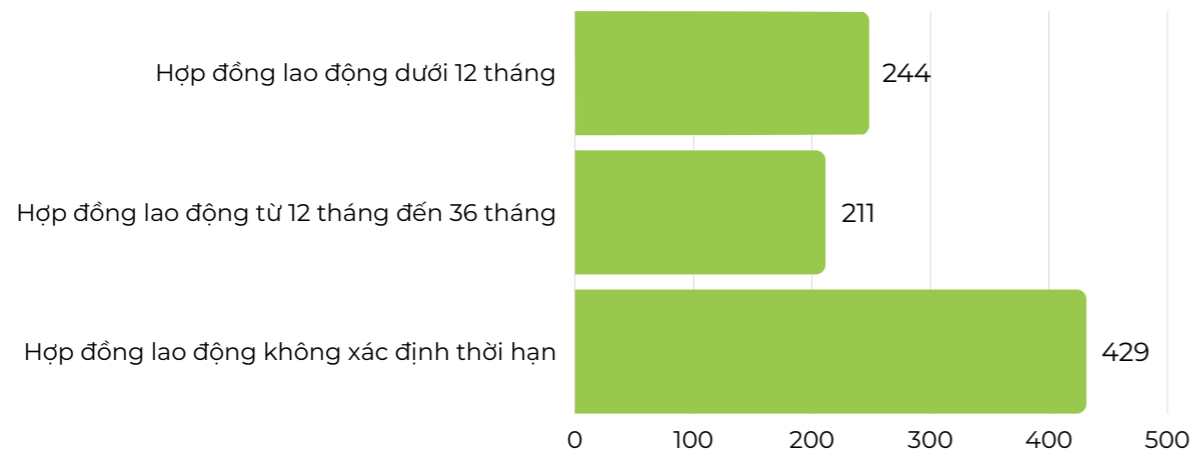
➤ SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ:

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2022 LÀ 884 LAO ĐỘNG.

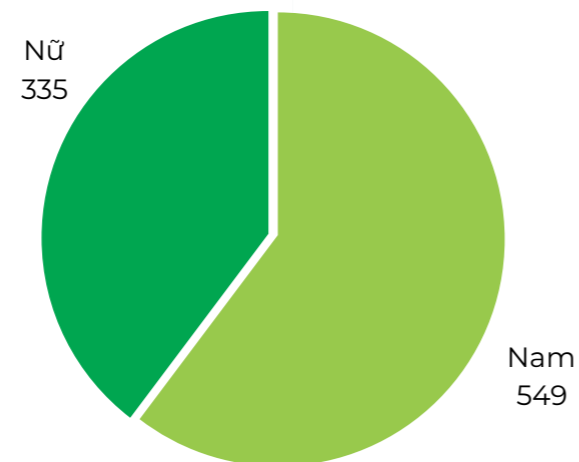
• PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



• PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG THEO HỢP ĐỒNG



• PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

➤ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ:

- Trong năm 2022 Công ty triển khai thực hiện dự án: Đầu tư xe ép rác và các thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi với tổng mức đầu tư là: 56.250.000.000 đồng và tính đến ngày 31/12/2022 Công ty đã ghi tăng 18 xe ép rác chuyên dùng của dự án với tổng giá trị là: 33.510.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ, năm trăm mười triệu đồng).
- Tiếp tục khảo sát và thực hiện hồ sơ pháp lý ban đầu đối với các dự án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

➤ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

1. Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì:

Đầu tư vào Công ty con	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư gốc
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	Đang hoạt động	95,74%	5.345.560	60.897.463.664
CỘNG				60.897.463.664

Tóm tắt tình hình hoạt động Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì:

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600116056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 23/5/2006. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/07/2021. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: **55.831.402.403** đồng; vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2021: **55.831.402.403** đồng.

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ công ích; Thu gom rác thải; dịch vụ phục vụ tang lễ; Xử lý và tiêu hủy rác thải; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; xây dựng công trình; kinh doanh bất động sản; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...

Tổng số lao động hiện có đến ngày 31/12/2022 là 458 người. Trong đó, bộ phận quản lý là 32 người.

Tình hình tài chính Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	88.686.639.861	157.006.957.588	77,04%
Doanh thu thuần	120.750.684.913	157.006.143.768	30,03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-93.161.381	4.055.591.177	4.453,30%
Lợi nhuận khác	75.603.142	-688.530.685	-1.010,72%
Lợi nhuận trước thuế	-17.558.239	3.367.060.492	19.276,53%
Lợi nhuận sau thuế	36.594.611	3.150.976.253	8.510,49%

2. Công ty cổ phần Xử lý Rác tổng hợp Quảng Ngãi:

Ngày 04/6/2021, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Xử lý Rác tổng hợp Quảng Ngãi và cử người đại diện phần vốn góp. Theo đó, giá trị góp vốn lần đầu của Công ty tại Công ty Xử lý Rác là 5.000.000.000 (Năm tỷ đồng). Hiện tại Công ty chưa phát sinh hoạt động và chi phí.

➤ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

1. Tình hình tài chính hợp nhất tại Công ty mẹ:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	274.132.413.924	337.094.577.812	22,97%
Doanh thu thuần	312.307.318.473	375.378.273.108	20,20%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23.927.266.753	23.958.496.659	0,13%
Lợi nhuận khác	154.376.981	-1.725.355.754	-1.217,63%
Lợi nhuận trước thuế	24.081.643.734	22.233.140.905	-7,68%
Lợi nhuận sau thuế	18.833.466.882	17.583.851.110	-6,64%

2. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu:

Chỉ Tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,60	1,78
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,42	1,73
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	32,88	40,97
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	48,98	69,41
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	24,77	10,06
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,40	1,23
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,03	4,68
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,70	9,18
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,45	5,75
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7,66	6,38

➤ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

1. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

✓ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.133.645 cổ phiếu

✓ Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu(%)
I	CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC	-	-	-
II	CỔ ĐÔNG LỚN			
	Trong nước	3.576.641	35.766.410	70
	Nước ngoài	-	-	-
III	CỔ ĐÔNG KHÁC			
	Trong nước	1.557.004	15.570.040	30
	Nước ngoài	-	-	-
	TỔNG CỘNG	5.133.645	51.336.450	100

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty tăng vốn từ 47.098.860.000 đồng lên 51.336.450.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5. Các chứng khoán khác: Không

➤ BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY:

1. Tác động lên môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty quan tâm và ưu tiên hàng đầu. Bên cạnh đó, việc truyền thông nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người lao động. Hoạt động tiêu thụ năng lượng của các đơn vị đều tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn và định mức năng lượng cần thiết để hệ thống vận hành hiệu quả.

2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Hiện nay các phương tiện của Công ty chủ yếu tập trung là xe chuyên dùng vận chuyển rác phục vụ hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác; xe cẩu, xe nâng,... với nguồn nhiên liệu chủ yếu là xăng, dầu phục vụ kinh doanh hàng ngày và dầu nhớt dùng để bảo dưỡng định kỳ. Hiện tại các phương tiện xe, máy kinh doanh của Công ty đang sử dụng nguồn nhiên liệu để vận hành là: Xăng A92-E5 hoặc A95. Công ty đã ký kết hợp đồng với đơn vị kinh doanh xăng dầu có hệ thống quản lý chuyên nghiệp là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất. Lượng khí thải sau khi động cơ tiêu thụ nhiên liệu thải ra môi trường đảm bảo đúng tiêu chuẩn quy định và được các cơ quan đăng kiểm thực hiện kiểm định định kỳ.

3. Tiêu thụ năng lượng:

Công ty làm tốt công tác quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và các huyện theo đúng phương án được Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi phê duyệt; luôn có kế hoạch tiết giảm hợp lý theo từng khu vực và thời gian, đảm bảo an toàn cho hoạt động của người dân và đảm bảo mỹ quan đô thị, đồng thời tiết kiệm chi phí từ ngân sách cho địa phương.

Cải thiện các chính sách phát triển bền vững thông qua các hoạt động tiết kiệm năng lượng. Công ty đã mục tiêu hóa và đã triển khai thành các chỉ tiêu thực hiện cho nhiều năm qua với nhiều hiệu quả.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, Công ty luôn quán triệt đến người lao động, nêu cao ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng; đầu tư lựa chọn thiết bị hiện đại, tiêu hao ít năng lượng, thay thế dần các thiết bị lạc hậu, kém hiệu quả, từ đó đã góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng công việc và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng.

4. Tiêu thụ nước:

Nguồn nước của Công ty chủ yếu đến từ nước máy, ao hồ và nước giếng. Công ty sử dụng nước trong các hoạt động tưới tiêu, chăm sóc cây cảnh, vệ sinh đường phố, thi công công trình và phục vụ cho hoạt động hàng ngày của người lao động. Công ty luôn quan tâm sử dụng đúng, đủ lượng nước theo nhu cầu, không lãng phí nguồn tài nguyên nước. Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu diễn biến khó lường. Chính vì thế, Công ty luôn quan tâm thực hiện chính sách tiết kiệm nước, khuyến khích tập thể người lao động Công ty sử dụng hợp lý nguồn nước ngọt, tránh gây lãng phí nguồn tài nguyên này.

5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững cho môi trường, xã hội và cộng đồng song song với những mục tiêu phát triển kinh tế tại bất cứ dự án nào mà MQN đầu tư và triển khai. Các dự án trên địa bàn đều được thực hiện với tiêu chí hài hòa với thiên nhiên và môi trường, tôn trọng và nâng tầm cảnh quan khu vực, thể hiện sự ý thức trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường.

Ngoài mục tiêu lợi nhuận, Công ty xem việc giữ gìn môi trường, cảnh quan sạch sẽ là trọng yếu. Vì thế, MQN không ngừng nỗ lực cải thiện chất lượng dịch vụ nhằm đưa ra những giải pháp, hoạt động tốt nhất, góp phần giữ môi trường xanh, sạch, đẹp, tạo nên môi trường sống trong lành, thân thiện cho cộng đồng, kiến tạo sản phẩm xanh, không gian sống gắn gũi với thiên nhiên, góp phần bảo vệ môi trường.

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

- Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

• Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm 2022, MQN có 1.342 người lao động (trong đó Công ty mẹ là 884 người lao động). Là đơn vị kinh doanh dịch vụ công ích, lực lượng lao động nam giới chiếm phần lớn trong cơ cấu lao động với 83%. Thu nhập bình quân năm 2022 của người lao động là 8,8 triệu đồng/người/tháng.

• Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Ở MQN, người lao động không chỉ nhận lương hàng tháng, hỗ trợ thu nhập cuối năm mà còn được hưởng nhiều chính sách, chế độ khác như khám sức khỏe định kỳ, phối hợp với Bệnh viện Quốc tế Vinmec khám sức khỏe cho người lao động là nữ; Công ty triển khai nhiều gói bảo hiểm cho người lao động như bảo hiểm con người, bảo hiểm tai nạn lao động.

Công ty thường xuyên khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc có sáng kiến cải tiến, áp dụng thành công trong sản xuất. Nhờ vậy, người lao động luôn tận tâm, được phát huy hết khả năng sáng tạo nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công việc.

Đặc biệt, MQN luôn thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà nước đối với người lao động. Tất cả người lao động đều được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động ... Công ty phối hợp với tổ chức Công đoàn cơ sở, xây dựng nhiều chương trình chăm lo, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho người lao động. Các trường hợp người lao động có hoàn cảnh khó khăn, đau ốm hoặc người thân bị bệnh nặng luôn được kịp thời chia sẻ, thăm hỏi đồng thời có sự giúp đỡ, hỗ trợ về chi phí sinh hoạt và chữa trị.

Hưởng ứng chủ trương vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế của Chính phủ, MQN sẽ tiếp tục duy trì các biện pháp phòng dịch nghiêm ngặt, đồng thời đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Đây cũng là giải pháp then chốt để Công ty hoàn thành mục tiêu đề ra trong giai đoạn tới, qua đó tạo việc làm và thu nhập ổn định, thực hiện các chương trình phúc lợi tốt hơn cho người lao động.

• Hoạt động đào tạo người lao động

Lãnh đạo MQN luôn xác định chất lượng nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi tạo nên sự thành công của doanh nghiệp. Việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực luôn được đặt lên hàng đầu. Công ty thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức đào tạo an toàn môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, sự cố phát sinh khác. Đối tượng tham gia không chỉ bộ phận lao động trực tiếp, người lao động khối Văn phòng cũng được tham gia các lớp huấn luyện, các khóa học chuyên môn để nâng cao hiệu quả công việc.

Định hướng trong năm 2023, MQN sẽ tập trung đào tạo Lãnh đạo cấp trung và cấp cao.

- **Hoạt động ngoại khóa, văn hóa thể thao, đoàn thể**

Công ty luôn chú trọng, quan tâm xây dựng các tổ chức: Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn và các tổ chức xã hội khác nhằm tạo môi trường sinh hoạt cho người lao động. Công ty luôn duy trì, triển khai các hoạt động Teambuilding, thể dục – thể thao. Đặc biệt, trong năm 2022, Công ty tổ chức hoạt động Teambuilding cho toàn thể người lao động trong Công ty nhằm tăng cường tình đoàn kết trong nội bộ Công ty.

7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm xã hội luôn được Công ty quan tâm và thực hiện bằng nhiều hoạt động thiết thực. Hằng năm, giải quyết việc làm ổn định cho hàng trăm lao động, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội và hàng loạt các chương trình từ thiện, chung tay vì cộng đồng có ý nghĩa. Công ty cùng Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa tặng 2.000 suất quà cho người dân có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết đến Xuân về;



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
- NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI
- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

3



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong thời gian báo cáo, Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh do bị hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh Covid – 19, nên doanh thu thực hiện năm 2022 chưa đạt theo kế hoạch đề ra, chỉ đạt 99,26% so với kế hoạch. Tuy nhiên, doanh thu năm 2022 tăng 9,46% so với năm 2021. Với thế mạnh của một đơn vị hàng đầu tại tỉnh Quảng Ngãi về lĩnh vực thực hiện dịch vụ công ích đô thị, Công ty đã mở rộng địa bàn về huyện Sơn Tịnh và triển khai tiếp thị đầu thầu năm 2023 ra các địa bàn lân cận như huyện Mộ Đức, huyện Sơn Tịnh, huyện Lý Sơn, huyện Bình Sơn và Khu kinh tế Dung Quất.

Ngoài ra, Công ty cũng đã tham gia vào hoạt động thi công xây dựng công trình cơ sở hạ tầng như: Xử lý rác, công viên cây xanh, điện chiếu sáng và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Về lợi nhuận năm 2022, Công ty chưa đạt kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chính do biến động thị trường về giá cả vật tư, nhiên liệu tăng mạnh; số lao động tăng hơn 300 người so với năm 2021; đầu tư thêm thiết bị xe máy phục vụ cho nhu cầu sản xuất tăng so với năm 2021 (18 xe ép rác).

➤ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, TỒN TẠI NĂM 2022:

1. THUẬN LỢI:

- + Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đang hoạt động; sự quan tâm và chỉ đạo kịp thời của HĐQT nên đã phát huy hết năng lực và thế mạnh sẵn có;
- + Tập thể Ban lãnh đạo và người lao động có sự đoàn kết nhất trí cao, tâm huyết vì mục tiêu phát triển chung của Công ty.
- + Cơ sở vật chất và các loại phương tiện chuyên dùng được trang bị tương đối đầy đủ, kịp thời phục vụ trên địa bàn thành phố và mọi đối tượng khách hàng.

2. KHÓ KHĂN:

Bên cạnh thuận lợi, năm 2022 còn một số khó khăn, tồn tại cần khắc phục như:

- + Công tác vệ sinh môi trường: Vị trí đặt thùng rác loại 240 lít trên các tuyến đường đã được UBND Thành phố cho kẻ vạch sơn xác định vị trí. Tuy nhiên vẫn còn tình trạng một số thùng bị di chuyển khỏi vị trí đã quy định, gây mất mỹ quan đô thị ở một số tuyến đường. Ý thức bảo quản, sử dụng thùng rác, dụng cụ lao động và trang thiết bị chưa cao.
- + Công tác duy trì, chăm sóc cây xanh: Thời tiết nắng nóng làm các giếng nước phục vụ lấy nước tưới cây bị hụt nhiều, ảnh hưởng đến việc duy trì cây xanh, thảm cỏ. Vẫn còn tình trạng người dân vô ý thức buôn bán dấm đập thảm cỏ cũng như chặt phá, bứt tử cây xanh thường xuyên xảy ra; cơ quan quản lý của Nhà nước chưa có biện pháp hiệu quả. Việc thi công công trình cây xanh theo yêu cầu của Hợp đồng vào lúc thời tiết nắng nóng, làm cho việc chăm sóc cây cỏ khó khăn.
- + Công tác duy trì điện chiếu sáng và đèn tín hiệu giao thông: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng được phân bổ trên địa bàn rộng, đường liên thôn, liên xã nhiều, nhất là nhiều hẻm nhỏ; khối lượng đèn tắt, thiết bị hư hỏng lớn nên công tác kiểm tra, sửa chữa có lúc chưa kịp thời. Khối lượng thực hiện duy tu sửa chữa phụ thuộc vào thực tế hư hỏng, khó xác định chính xác từ kế hoạch.

Đối với các tuyến điện mới tiếp nhận, công tác khắc phục sự cố trong thời gian bảo hành của Chủ đầu tư còn chậm, làm ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của Công ty.

+ Công tác đầu tư: các chính sách về Pháp lý có nhiều thay đổi dẫn đến tiến độ thực hiện các Dự án bị ảnh hưởng, không đạt được theo kế hoạch đề ra.

➤ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT:

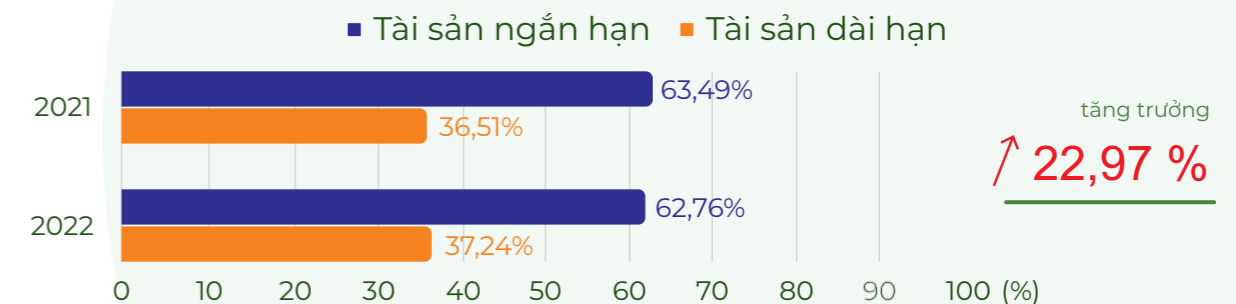
1. TÌNH HÌNH TÀI SẢN:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	174.040	211.536	21,56%	63,49%	62,76%
Tài sản dài hạn	100.093	125.532	25,42%	36,51%	37,24%
Tổng tài sản	274.133	337.095	22,97%	100%	100%

TỔNG TÀI SẢN

Đơn vị: triệu đồng



Tổng tài sản năm 2022 đạt 337,095 tỷ đồng, tăng 22,97% so với năm 2021.

Trong đó:

- ✓ Tài sản ngắn hạn năm 2022 đạt 211,563 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 62,76% trên tổng tài sản, tăng 21,56% so với năm 2021. Cụ thể: Tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản ngắn hạn khác... năm 2022 tăng so với năm 2021.
- ✓ Tài sản dài hạn năm 2022 đạt 125,532 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 37,24% trên tổng tài sản, tăng 25,42% so với năm 2021, vừa qua Công ty tập trung mạnh vào các mục tiêu tăng trưởng dài hạn. Cụ thể, trong năm Công ty đầu tư vào tài sản cố định (nguyên giá tài sản cố định tăng 21,74% so với cùng kỳ năm 2021), đồng thời năm vừa qua Công ty phát sinh các khoản phải thu dài hạn khác.

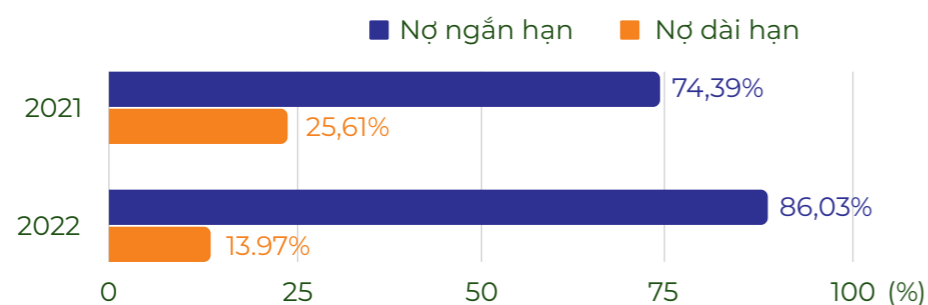
2. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	67.040	118.817	77,23%	74,39%	86,03%
Nợ dài hạn	23.084	19.295	-16,41%	25,61%	13,97%
Tổng nợ phải trả	90.124	138.112	53,25%	100%	100%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị: triệu đồng



Trong năm 2022, tổng nợ phải trả tăng 53,25% so với năm 2021.

Trong đó:

- ✓ Nợ ngắn hạn tăng 77,23% so với năm 2021, chiếm tỷ trọng 86,03% trên tổng nợ phải trả. Cụ thể khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng do vay mua xe ép rác chuyên dùng từ Công ty Cổ phần ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa, phải trả người lao động đến thời điểm 31/12/2022, vay ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Quảng Ngãi phục vụ sản xuất kinh doanh tăng so với cùng kỳ năm trước.
- ✓ Nợ phải trả dài hạn của Công ty giảm 16,41% so với năm 2021, chiếm tỷ trọng 13,97% trong tổng nợ phải trả.

➤ NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ:

- ✓ Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cơ sở để đẩy mạnh hiệu quả quản lý doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Trong đó, Công ty đã sửa đổi, bổ sung Quy chế thi đua khen thưởng và kỷ luật (đánh giá kết quả làm việc hàng tháng của người lao động theo tiêu chí A, B, C, D), khen thưởng kỷ luật hàng tháng, hàng quý, năm;

- ✓ Đặc biệt, trong năm 2022, Công ty đã từng bước áp dụng chuyển đổi số trong quá trình điều hành và quản trị doanh nghiệp với việc tìm hiểu và áp dụng “Phần mềm quản trị doanh nghiệp”.

- Ban Tổng Giám đốc liên tục triển khai đánh giá lại đội ngũ quản lý theo định kỳ, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng tinh gọn, đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.

- ✓ Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng trình độ kỹ thuật, tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, đặc biệt là người lao động đòi hỏi tay nghề cao; áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và công tác điều hành, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, linh hoạt trong quá trình thực hiện.

- ✓ Khen thưởng các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc, góp phần mang lại lợi ích về kinh tế hoặc góp phần nâng cao hiệu quả công việc của bộ phận, nâng cao uy tín, hình ảnh công ty.

➤ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI:

- ✓ Duy trì, giữ vững địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh hiện có và mở rộng địa bàn ra các địa phương trong tỉnh;

- ✓ Khai thác máy móc, thiết bị hiện có một cách hiệu quả; xem xét đầu tư mới (nếu cần) để nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng địa bàn, cũng như hướng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ.

- ✓ Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý xin đầu tư các dự án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án có hiệu quả, thuộc thế mạnh của Công ty.

- ✓ Tiếp thị, tham gia các gói thầu thi công xây lắp thuộc lĩnh vực Môi trường, Cây xanh, Điện chiếu sáng, thu gom xử lý chất thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp.

➤ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY:

- ✓ Công ty luôn đề cao ý thức bảo vệ môi trường và xem đây là mục tiêu phát triển bền vững của Công ty, hạn chế thấp nhất việc phát thải ra ngoài môi trường. Với thông điệp bảo vệ môi trường “SÁNG – XANH – SẠCH – ĐẸP” đã minh chứng cho trách nhiệm xã hội của Công ty. Ban Lãnh đạo cùng toàn thể người lao động đã thực hiện chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường cụ thể như hạn chế sử dụng máy in, máy photo, tiết kiệm điện, nước, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin để tăng năng suất lao động.

- ✓ Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ các phương tiện xe máy, thiết bị kinh doanh đảm bảo phương tiện đạt tiêu chuẩn kinh doanh nhằm tránh các sự cố, hạn chế gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sử dụng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY
- CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG

Năm 2022 là một năm mà nền kinh tế thế giới vẫn còn chịu ảnh hưởng từ dịch Covid-19. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty cùng tập thể người lao động đã cố gắng cùng chung tay nỗ lực vượt qua thử thách bằng mọi biện pháp như: Cắt giảm chi phí; đưa ra những biện pháp quản lý hiệu quả hơn nhằm nâng cao hiệu suất kinh doanh; triệt để tái cấu trúc hệ thống quản trị; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Đồng thời tạo điều kiện tối đa để người lao động có khoản thu nhập tương đối, yên tâm làm việc, đảm bảo cuộc sống gia đình.

Trong thời gian báo cáo, Công ty không vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường. Trong năm tới Công ty không ngừng nỗ lực, xây dựng và hoàn thiện công tác bảo vệ môi trường và xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác bảo vệ môi trường theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để ra góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2022, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã sát sao trong công tác chỉ đạo điều hành đến từng phòng chuyên môn, chi nhánh, xí nghiệp; nỗ lực tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; Có sự đoàn kết thống nhất cao của Ban điều hành trong quá trình thực thi công việc. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, ghi nhận kết quả hoạt động với 218.37 tỷ đồng doanh thu, tương đương 99.26% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thực hiện đúng và hiệu quả quy chế chi trả lương cho NLD, quy chế đánh giá hiệu quả công việc từng tháng, quý, năm của từng NLD theo các tiêu chí rõ ràng. Thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm xã hội cho NLD. Đặc biệt, trong năm 2022, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã rà soát lại hệ thống lương của người lao động và tăng hệ số năng suất cho tất cả các nhóm công việc nhằm hỗ trợ kịp thời đời sống của người lao động.

HĐQT luôn chỉ đạo kịp thời, thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2023 là một năm dự đoán chứng kiến sự phục hồi và phát triển của nền kinh tế trong nước nói riêng và thế giới nói chung. Để nắm bắt được thời cơ này, toàn thể giới sẽ phải chung tay đoàn kết vượt qua thách thức để phục hồi và phát triển nền kinh tế đang bị suy thoái.

Từ những đánh giá, dự báo của nền kinh tế như trên, Hội đồng quản trị định hướng năm 2023 như sau:

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, tăng tính chủ động cho các đơn vị trực thuộc Công ty, luôn kịp thời bổ sung nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc cùng với việc ủy quyền phù hợp, phân công cụ thể theo từng mảng công việc là yếu tố quan trọng thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty đạt được những kết quả khả quan và liên tục phát triển trong bối cảnh nền kinh tế nhiều khó khăn và biến động bất thường.
- Trong thời gian tới, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tăng cường giám sát, song hành cùng Ban Tổng Giám đốc để thực hiện thành công các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua. Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện quyết liệt nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án mà Công ty có tham gia đầu tư, góp vốn cũng như thực hiện các kế hoạch, giải pháp huy động vốn đầu tư đáp ứng nhu cầu vốn triển khai các dự án.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị: Rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy trình, Quy chế, nâng cao vai trò của các thành viên Hội đồng quản trị để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, nắm bắt được các cơ hội, ... qua đó từng bước nâng cao hơn nữa lợi ích của các cổ đông.
- Triển khai kế hoạch tổng thể đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục quyết liệt hơn trong công tác tái cấu trúc các khoản đầu tư theo hướng hiệu quả hơn, đúng theo chủ trương định hướng vào các lĩnh vực đã xác định ưu tiên trọng điểm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động trong Công ty.
- Tiếp tục nâng cao thu nhập cho người lao động, tạo môi trường ổn định cho người lao động làm việc và tạo sự gắn bó lâu dài giữa người lao động và Công ty.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN KIỂM SOÁT
- CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

5



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU (CỔ PHẦN)	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Lê Đăng Triều	Chủ tịch HĐQT			
2	Nguyễn Thị Thu Dung	Phó Chủ tịch HĐQT			Phó TGĐ MQN
3	Trần Thanh Minh	Thành viên HĐQT			
4	Bùi Văn Quang	Thành viên HĐQT			Tổng GD MQN
5	Đoàn Nhật Linh	Thành viên HĐQT	185	0,0036%	Phó TGĐ MQN

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban): *Không có*

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, HĐQT đã họp và kịp thời ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định trong việc định hướng công tác tổ chức điều hành như quyết định thành lập 03 chi nhánh; sáp nhập Văn phòng và phòng Tổ chức Hành chính và đổi tên thành phòng Hành chính Nhân sự; kiểm soát chặt chẽ hợp đồng, giao dịch với những đối tượng có liên quan đến Công ty; phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông năm 2021... Các hoạt động của HĐQT được thể hiện qua các Nghị quyết và Quyết định sau:

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung	Tỷ Lệ Thông Qua
1	Số 01/NQ - HĐQT	17/01/2022	Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan	100%
2	Số 02/NQ - HĐQT	20/01/2022	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
3	Số 03/NQ - HĐQT	01/03/2022	Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan	100%
4	Số 04/NQ - HĐQT	29/03/2022	Triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết của Đại biểu hội đồng cổ đông năm 2022	100%
5	Số 05/NQ - HĐQT	02/03/2022	Cho bên có liên quan là Công ty con vay vốn	100%
6	Số 06/NQ - HĐQT	24/06/2022	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	100%
7	Số 07/NQ - HĐQT	28/07/2022	Tổ chức lại và đổi tên Xí nghiệp trực thuộc Công ty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi	100%

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung	Tỷ Lệ Thông Qua
8	Số 08/NQ - HĐQT	29/07/2022	Chốt quyền phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2021	100%
9	Số 09/NQ - HĐQT	01/08/2022	Hợp nhất VP và Phòng nhân sự thành phòng Hành chính – Nhân sự trực thuộc CTCP Môi trường đô thị Quảng Ngãi.	100%
10	Số 10/NQ - HĐQT	04/08/2022	Chốt quyền phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2021 (thay đổi ngày)	100%
11	Số 11/NQ - HĐQT	09/09/2022	Thay đổi vốn điều lệ Công ty	100%
12	Số 12/NQ - HĐQT	16/09/2022	Miễn nhiệm chức danh PTGD kiêm GD Xí nghiệp Điện CTCP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi	100%
13	Số 13/NQ - HĐQT	29/09/2022	Thông qua tờ trình của Ban TGD Công ty: - Tờ trình số 14/TTr-CTMTĐT ngày 29/9/2022 về việc thanh lý thiết bị cơ giới. - Tờ trình số 15/TTr-CTMTĐT ngày 29/9/2022 về việc phương án tính lương và điều chỉnh tăng lương.	100%
14	Số 14/NQ - HĐQT	27/10/2022	Cho bên có liên quan là Công ty con vay vốn	100%
15	Số 15/NQ - HĐQT	02/11/2022	Phê duyệt đầu tư Dự án: “Đầu tư xe ép rác và các thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi”.	100%
16	Số 16/NQ - HĐQT	11/11/2022	Thống nhất vay vốn Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để thực hiện dự án: “Đầu tư xe ép rác và các thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	100%
17	Số 17/NQ - HĐQT	07/12/2022	Thành lập Chi nhánh Công ty Môi trường Đô thị phía Bắc Quảng Ngãi và Chi nhánh Công ty Môi trường Đô thị phía Nam Quảng Ngãi trực thuộc Công ty Môi trường Đô thị Quảng Ngãi	100%
18	Số 18/NQ - HĐQT	07/12/2022	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%
STT	Số Quyết Định	Ngày	Nội Dung	Tỷ Lệ Thông Qua
01	Số 01/QĐ - HĐQT	29/03/2022	Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi	100%
02	Số 02/QĐ - HĐQT	29/03/2022	Phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi	100%
03	Số 03/QĐ - HĐQT	24/06/2022	Phê duyệt dự án đầu tư Dự án: Trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi	100%
04	Số 04/QĐ - HĐQT	21/11/2022	Thành lập chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Đô thị Lý Sơn trực thuộc CTCP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi	100%

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: *Không có.*

5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: *Không có*

➤ BAN KIỂM SOÁT:

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán:

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU (CỔ PHẦN)	TỶ LỆ (%)
1	Phạm Thị Bích Lai	Trưởng ban		
2	Nguyễn Thị Anh Tuyến	Thành viên	2.728	0,05%
3	Phạm Đức Cường	Thành viên	994	0,02%

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty; giám sát các hoạt động của HĐQT và đề nghị HĐQT cung cấp tài liệu khi cần thiết.

- Số lượng cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm được thống kê như sau:

STT	THÀNH VIÊN BKS	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	GHI CHÚ
1	Phạm Thị Bích Lai	06	100%	
2	Nguyễn Thị Anh Tuyến	06	100%	
3	Phạm Đức Cường	06	100%	

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

BKS đã hợp lập kế hoạch hoạt động trong năm 2022 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.

Kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch, phân phối lợi nhuận của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Giám sát việc ban hành triển khai và kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc điều hành.

Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc khi có giấy mời; nắm bắt tất cả các thông tin kịp thời về hoạt động kinh doanh và đầu tư, tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

BKS đã thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán theo chức năng và nhiệm vụ của BKS mà Điều lệ Công ty quy định; thực hiện báo cáo đến Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của mình.

Quan hệ phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc về cơ bản được thực hiện phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

➤ CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Theo Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, thống nhất mức thù lao và tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát là 0 đồng.

2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người Thực Hiện Giao Dịch	Quan Hệ Với Người Nội Bộ	Số Cổ Phiếu Sở Hữu Đầu Kỳ		Số Cổ Phiếu Sở Hữu Cuối Kỳ		Lý Do Tăng, Giảm (Mua, Bán, Chuyển Đổi, Thưởng)
			Số Cổ Phiếu	Tỷ lệ	Số Cổ Phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Hồ Tấn Hóa	Thành viên HĐQT Phó TGĐ	5.282	0,11%	0	0	Nhu cầu tài chính cá nhân
2	Ông Phạm Tấn Vũ	Phó TGĐ	9.032	0,22%	3.844	0.07%	Nhu cầu tài chính cá nhân
3	Ông Phạm Đức Cường	Thành viên BKS	1.112	0,024%	994	0.02%	Nhu cầu tài chính cá nhân
4	Bà Nguyễn Thị Anh Tuyến	Thành viên BKS	3.743	0,079%	2.728	0.053%	Nhu cầu tài chính cá nhân

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Trong năm 2022, Công ty đã ký kết hợp đồng với các Công ty có liên quan, cụ thể như sau:

- ✓ Công ty đã ký kết Hợp đồng mua bán nhiên liệu với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất: Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất là người có liên quan với thành viên HĐQT và thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty.
- ✓ Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Hưng về hạng mục Công viên Cây xanh, Điện chiếu sáng thuộc dự án Xây dựng cơ sở Hạ tầng khu tái định cư Vạn Tường: thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Hưng là người có liên quan với thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
- ✓ Công ty đã ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Quảng Ngãi về việc cung cấp vật tư, thiết bị: thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Quảng Ngãi là người có liên quan với thành viên HĐQT của Công ty.

4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.

Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN
(phụ lục đính kèm báo cáo).
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐƯỢC KIỂM TOÁN
(phụ lục đính kèm báo cáo).



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN
(phụ lục đính kèm báo cáo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI**

MQVN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Báo cáo tài chính
 - Bảng cân đối kế toán
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - Thuyết minh Báo cáo tài chính



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi theo Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4300225555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 16/12/2009, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300225555) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/09/2022.

Vốn điều lệ: 51.336.450.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2022: 51.336.450.000 đồng.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 344/QĐ-SGDHN ngày 15/06/2018 với mã chứng khoán là MQN.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đường Tô Hiến Thành, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
- Điện thoại: (84) 255.3816930
- Fax: (84) 255.3816930

Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai khoáng chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình điện;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm;
- Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm;
- Xử lý hạt giống để nhân giống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất điện;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất hoá chất cơ bản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

Nhân sự

Tổng số người lao động hiện có đến cuối năm tài chính là 620 người. Trong đó, bộ phận quản lý là 09 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|--------------|--|
| • Ông Lê Đăng Triều | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/01/2021 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Dung | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/01/2021 |
| • Ông Trần Thanh Minh | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020 |
| • Ông Đoàn Nhật Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |
| • Ông Bùi Văn Quang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26/03/2022 |
| • Ông Vương Hùng Vân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
Miễn nhiệm ngày 26/03/2022 |
| • Ông Hồ Tấn Hóa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
Miễn nhiệm ngày 26/03/2022 |
| • Ông Trương Minh Phương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
Miễn nhiệm ngày 26/03/2022 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Phạm Thị Bích Lai | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020 |
| • Bà Nguyễn Thị Anh Tuyền | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020 |
| • Ông Phạm Đức Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/12/2020 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|-------------------------------|--|
| • Ông Bùi Văn Quang | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 07/07/2021 |
| • Ông Đoàn Nhật Linh | Phó Tổng Giám đốc thường trực | Bổ nhiệm ngày 07/12/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Dung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/09/2020 |
| • Bà Trần Thị Thanh Nga | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2021 |
| • Ông Phạm Tấn Vũ | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/02/2021 |
| • Ông Vương Hùng Vân | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 07/12/2022 |
| • Ông Cao Văn Ca | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 07/12/2022 |
| • Ông Hồ Tấn Hóa | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
Miễn nhiệm ngày 18/09/2022 |
| • Ông Võ Văn Hưng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 08/03/2021 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Quang

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 03 năm 2023



Số: 263/2023/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 11/03/2023 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 08 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2022 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Ngọc Viễn – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4868-2019-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.403.646.256	110.918.991.716
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.926.050.700	13.046.905.254
1. Tiền	111	5	8.926.050.700	10.846.905.254
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		815.000.000	15.300.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	815.000.000	15.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.816.733.045	77.032.039.675
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	54.740.863.092	65.819.306.300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.912.988.831	735.455.650
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	50.000.000.000	10.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	2.546.497.122	627.322.725
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(2.383.616.000)	(150.045.000)
IV. Hàng tồn kho	140	12	11.525.396.126	3.895.720.212
1. Hàng tồn kho	141		11.525.396.126	3.921.377.168
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(25.656.956)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.320.466.385	1.644.326.575
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15.a	1.459.001.796	649.209.685
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.251.538.185	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	609.926.404	995.116.890
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		137.398.483.200	107.398.973.538
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		80.866.898.765	55.100.194.756
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	80.866.898.765	55.100.194.756
- Nguyên giá	222		143.022.735.440	117.484.006.036
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.155.836.675)	(62.383.811.280)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		244.732.663	157.278.182
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	244.732.663	157.278.182
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	52.893.728.532	50.224.731.877
1. Đầu tư vào công ty con	251		60.897.463.664	60.897.463.664
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.003.735.132)	(10.672.731.787)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.393.123.240	1.916.768.723
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15.b	3.393.123.240	1.916.768.723
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		269.802.129.456	218.317.965.254

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		79.253.832.881	43.659.730.954
I. Nợ ngắn hạn	310		64.861.744.392	26.046.642.465
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	41.657.515.900	8.968.623.020
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	3.971.887.997	2.924.286.004
4. Phải trả người lao động	314		9.355.775.713	7.590.028.151
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	76.787.968	1.395.890.500
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	1.140.015.245	88.958.517
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.a	7.615.351.521	3.116.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.044.410.048	1.962.856.273
II. Nợ dài hạn	330		14.392.088.489	17.613.088.489
1. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	-	105.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.b	14.392.088.489	17.508.088.489
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		190.548.296.575	174.658.234.300
I. Vốn chủ sở hữu	410		159.830.775.498	143.940.713.223
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	51.336.450.000	47.098.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.336.450.000	47.098.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	20.000.000.000	20.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	22	24.783.300.172	24.783.300.172
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	44.228.114.242	39.007.821.703
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	19.482.911.084	13.050.731.348
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		982.702.539	2.035.988.764
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.500.208.545	11.014.742.584
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		30.717.521.077	30.717.521.077
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		30.717.521.077	30.717.521.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		269.802.129.456	218.317.965.254

Tổng Giám đốc

Bùi Văn Quang

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Võ Văn Hưng

Người lập biểu

Lê Thị Hồng My

Thuyết minh kèm theo từ trang 12 đến trang 35 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 9

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	24	218.372.129.340	199.507.664.258
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		218.372.129.340	199.507.664.258
4. Giá vốn hàng bán	11	25	182.981.256.462	157.945.305.675
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		35.390.872.878	41.562.358.583
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.554.918.830	582.336.186
7. Chi phí tài chính	22	27	(1.690.883.602)	11.588.438.179
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		978.113.053	915.706.392
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	16.132.636.809	16.394.465.500
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.504.038.501	14.161.791.090
11. Thu nhập khác	31	29	42.968.400	21.557.062
12. Chi phí khác	32	30	1.079.793.469	822.223
13. Lợi nhuận khác	40		(1.036.825.069)	20.734.839
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.467.213.432	14.182.525.929
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	4.967.004.887	3.167.783.345
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		18.500.208.545	11.014.742.584

Tổng Giám đốc

Bùi Văn Quang

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Võ Văn Hưng

Người lập biểu

Lê Thị Hồng My

Thuyết minh kèm theo từ trang 12 đến trang 35 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 10

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 - DN
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.467.213.432	14.182.525.929
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định	02 13	4.429.920.861	3.778.279.446
- Các khoản dự phòng	03 11;16	(461.082.611)	10.698.388.743
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.503.090.206)	(603.058.320)
- Chi phí lãi vay	06 26	978.113.053	915.706.392
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	25.911.074.529	28.971.842.190
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.851.497.292	(9.290.246.157)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10 12	(7.604.018.958)	5.649.448.644
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.511.411.166	8.657.691.286
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12 15	(2.286.146.628)	(1.282.934.368)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(967.215.585)	(925.843.392)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 18	-	(6.653.953.843)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.528.592.495)	(2.641.435.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	32.888.009.321	22.484.568.560
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(14.853.319.126)	(11.262.353.648)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	(153.039.349)	496.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23 09	(50.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	24.485.000.000	18.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(60.897.463.664)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.129.143.079	764.586.596
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(38.392.215.396)	(62.198.867.079)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	30.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33 21	24.499.351.521	10.453.818.628
3. Tiền trả nợ gốc vay	34 21	(23.116.000.000)	(8.187.818.628)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.383.351.521	32.266.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.120.854.554)	(7.448.298.519)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	13.046.905.254	20.495.203.773
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5	8.926.050.700	13.046.905.254



Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 03 năm 2023

Thuyết minh kèm theo từ trang 12 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Kế toán trưởng

Võ Văn Hưng

Người lập biểu

Lê Thị Hồng My

Trang 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi theo Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4300225555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 16/12/2009, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300225555) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/09/2022.

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Hoạt động dịch vụ chăm sóc, duy trì cây xanh, thảm cỏ, cây trang trí;
- Quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, đèn trang trí;
- Thi công các công trình: thoát nước, vỉa hè, bãi xử lý rác, các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 03 Công ty con, 03 Chi nhánh và 04 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Công ty con:

- Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì. (Công ty con cấp 1)
- Công ty TNHH Xây dựng Công trình Đô thị Việt Trì. (Công ty con cấp 2)
- Công ty TNHH Nhà ở Xã hội Minh Phương. (Công ty con cấp 2)

Chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Môi trường Đô thị Phía Bắc Quảng Ngãi;
- Chi nhánh Công ty Môi trường Đô thị Phía Nam Quảng Ngãi;
- Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Đô thị Lý Sơn.

Đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp Cây xanh và Hạ tầng;
- Xí nghiệp Môi trường;
- Xí nghiệp Điện;
- Xí nghiệp Thi công Môi trường Đô thị.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Trang 12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có công ty con. Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính năm 2022 của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên kết, công ty liên doanh được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc, thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 – 6
Tài sản cố định khác	5 – 8

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế hoạch vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10.Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Dịch vụ duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố; Chiếu sáng công cộng bao gồm chiếu sáng đường phố, ngõ, xóm trong khu dân cư, vườn hoa, công viên; Dịch vụ lễ tang và mai táng: thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - Hàng hóa, dịch vụ khác: áp dụng theo thuế suất hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	36.814.281	113.044.847
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.889.236.419	10.733.860.407
Cộng	8.926.050.700	10.846.905.254

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	815.000.000	815.000.000	15.300.000.000	15.300.000.000
Cộng	815.000.000	815.000.000	15.300.000.000	15.300.000.000

Tại thời điểm 31/12/2022, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị. Số tiền: 315.000.000 đồng đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Quảng Ngãi.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng	19.354.805.974	9.723.879.000
BQL Các Dự án ĐTXD và PT quỹ đất TP Quảng Ngãi	11.526.977.000	23.015.590.000
Phòng Quản lý Đô thị Thị xã Đức Phổ	7.737.417.000	4.119.344.000
BQL Các dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	4.922.425.000	5.789.345.300
Các đối tượng khác	11.199.238.118	23.171.148.000
Cộng	54.740.863.092	65.819.306.300

Trong đó: Phải thu khách hàng là bên liên quan

	Mối quan hệ	Đơn vị tính: VND	
		31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng (*)	Công ty liên quan	-	9.723.879.000
Công ty CP Thiết bị cơ giới và Khai thác Khoáng sản Hợp Nghĩa	Thành viên HĐQT	2.603.572.399	2.124.933.000

(*) Từ 02/03/2022, Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng không còn là bên liên quan của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Thiết kế và Xây dựng Đức Việt	515.450.500	210.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Công trình	430.835.650	430.835.650
Công ty TNHH Xây dựng và Quảng cáo Thiên Phú	370.000.000	-
Các đối tượng khác	1.596.702.681	94.620.000
Cộng	2.912.988.831	735.455.650

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Tri (bên liên quan)	50.000.000.000	-
Công ty CP Thương Mại và Dịch Vụ Hợp Nghĩa	-	10.000.000.000
Cộng	50.000.000.000	10.000.000.000

Cho Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Tri (Công ty con) vay theo Hợp đồng số 38/2022/MQN-MHP ngày 02/06/2022 và Hợp đồng số 74/2022/MQN-MHP ngày 27/10/2022, thời hạn vay: 11 tháng. Lãi suất 8%/năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	140.000.000	-	10.000.000	-
Lãi dự thu	1.703.117.122	-	277.341.371	-
Ký quỹ, ký cược	11.380.000	-	234.030.278	-
Phải thu khác	692.000.000	-	105.951.076	-
Cộng	2.546.497.122	-	627.322.725	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2022	01/01/2022
Số đầu năm	150.045.000	150.045.000
Trích lập dự phòng tăng trong năm	2.233.571.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Giảm dự phòng do xử lý nợ trong năm	-	-
Số cuối năm	2.383.616.000	150.045.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.651.410.933	-	1.902.559.766	(25.071.500)
Công cụ, dụng cụ	894.215.550	-	170.223.956	(305.456)
Chi phí SX, KD dở dang	3.667.536.167	-	1.638.587.976	-
Thành phẩm	241.853.668	-	125.871.081	(280.000)
Hàng hóa	70.379.808	-	84.134.389	-
Cộng	11.525.396.126	-	3.921.377.168	(25.656.956)

Không có hàng tồn kho tồn đọng, kém phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2022.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2022.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác (*)	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	9.290.434.441	2.040.540.669	67.800.365.754	444.115.396	37.908.549.776	117.484.006.036
Mua sắm trong năm	-	67.636.364	31.027.777.781	-	-	31.095.414.145
T/lý, nhượng bán	4.362.292.544	-	1.089.567.697	104.824.500	-	5.556.684.741
Số cuối năm	4.928.141.897	2.108.177.033	97.738.575.838	339.290.896	37.908.549.776	143.022.735.440
Khấu hao						
Số đầu năm	7.263.536.741	1.931.340.642	45.726.016.549	271.888.649	7.191.028.699	62.383.811.280
Khấu hao trong năm	211.740.030	64.857.778	4.086.094.144	67.228.909	-	4.429.920.861
T/lý, nhượng bán	3.463.503.269	-	1.089.567.697	104.824.500	-	4.657.895.466
Số cuối năm	4.011.773.502	1.996.198.420	48.722.542.996	234.293.058	7.191.028.699	62.155.836.675
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.026.897.700	109.200.027	22.074.349.205	172.226.747	30.717.521.077	55.100.194.756
Số cuối năm	916.368.395	111.978.613	49.016.032.842	104.997.838	30.717.521.077	80.866.898.765

(*) Trong tài sản cố định khác có tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước với tổng nguyên giá: 37.327.620.554 đồng, hao mòn lũy kế tính đến 31/12/2015 là 6.610.099.477 đồng. Theo quy định tại điểm 4, Điều 1, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính, Công ty không phải trích khấu hao từ 01/01/2016 đến nay mà chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng năm của từng tài sản và không được ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản. Theo đó, giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản này tính đến 31/12/2022 là 37.327.620.554 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022: 44.104.697.837 đồng.
- Giá trị còn lại TSCĐ đem cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022: 10.668.306.800 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí đầu tư dự án nghĩa trang An Lạc Viên	80.559.091	80.559.091
Trụ sở Văn phòng làm việc Công ty	164.173.572	76.719.091
Cộng	244.732.663	157.278.182

15. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	410.877.414	427.398.559
Phí đường bộ	3.960.000	67.230.805
Chi phí sửa chữa	482.637.559	-
Chi phí trả trước khác	561.526.823	154.580.321
Cộng	1.459.001.796	649.209.685

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí sửa chữa	1.371.560.901	649.243.793
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.459.988.195	1.123.331.492
Phí đường bộ	14.685.781	37.509.927
Các khoản khác	546.888.363	106.683.511
Cộng	3.393.123.240	1.916.768.723

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con				60.897.463.664	(8.003.735.132)	60.897.463.664	(10.672.731.787)
- Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	Đang hoạt động	95,74%	5.345.560	60.897.463.664	(8.003.735.132)	60.897.463.664	(10.672.731.787)
Cộng				60.897.463.664	(8.003.735.132)	60.897.463.664	(10.672.731.787)

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty này. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo đáng tin cậy về thị giá cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

Trang 23

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	16.635.000.000	-
Công ty CP Hưng Thịnh Quảng Ngãi (*)	3.936.557.907	-
Công ty TNHH Điện Năng lượng Hoàng Thiện	3.060.558.000	-
Các đối tượng khác	18.025.399.993	8.968.623.020
Cộng	41.657.515.900	8.968.623.020

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất	Công ty liên quan Thành viên	411.200.000	-
Công ty CP Phát triển Đầu tư Hợp nhất	HEQT	2.437.281.500	600.800.000
Cộng		2.848.481.500	600.800.000

(*) Từ 01/08/2022, Công ty CP Hưng Thịnh Quảng Ngãi không còn là bên liên quan của Công ty.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.910.397.540	3.188.937.247	6.708.750.423	609.415.636	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	995.116.890	-	4.967.004.887	-	-	3.971.887.997
Thuế thu nhập cá nhân	-	12.883.584	83.359.478	96.753.830	510.768	-
Thuế tài nguyên	-	1.004.880	46.687.696	47.692.576	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	777.561.196	777.561.196	-	-
Các loại thuế khác	-	-	2.212.731	2.212.731	-	-
Phí và lệ phí	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Cộng	995.116.890	2.924.286.004	9.072.763.235	7.639.970.756	609.926.404	3.971.887.997

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Trích trước lãi vay	76.787.968	65.890.500
Chi phí công tác nạo vét bùn hệ thống thoát nước	-	1.008.000.000
Vật tư hóa chất đã nhập kho	-	322.000.000
Cộng	76.787.968	1.395.890.500

Trang 24

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Đoàn phí Công đoàn, Kinh phí Công đoàn, BHXH	441.521.468	29.949.600
Thuế TNCN	6.493.777	19.352.917
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	692.000.000	-
Phải trả khác	-	39.656.000
Cộng	1.140.015.245	88.958.517

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn (*)	-	105.000.000
Cộng	-	105.000.000

(*) Nhận ký quỹ trách nhiệm của lái xe và Công ty đã gửi toàn bộ số tiền này vào tài khoản tiết kiệm của từng lái xe theo hợp đồng 3 bên với Ngân hàng, tương ứng với Khoản phải thu ngắn hạn khác tại Thuyết minh số 10.

21. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	-	24.499.351.521	20.000.000.000	4.499.351.521
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Quảng Ngãi	-	4.499.351.521	-	4.499.351.521
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ngãi	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.116.000.000	3.116.000.000	3.116.000.000	3.116.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi (i)	2.180.000.000	2.180.000.000	2.180.000.000	2.180.000.000
- Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi (ii)	936.000.000	936.000.000	936.000.000	936.000.000
Cộng	3.116.000.000	27.615.351.521	23.116.000.000	7.615.351.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	20.624.088.489	-	3.116.000.000	17.508.088.489
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi (i)	14.170.000.000	-	2.180.000.000	11.990.000.000
- Ngân sách Tỉnh Quảng Ngãi	2.008.088.489	-	-	2.008.088.489
- Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi (ii)	4.446.000.000	-	936.000.000	3.510.000.000
Cộng	20.624.088.489	-	3.116.000.000	17.508.088.489
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	3.116.000.000			3.116.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.508.088.489			14.392.088.489

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Ngãi theo Hiệp định vay phụ ngày 05/05/2004:

- Mục đích vay: Đầu tư cho dự án “Cải thiện Môi trường Đô thị Miền Trung”.
- Thời hạn vay: 240 tháng (Trong đó bao gồm: thời gian ân hạn là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
- Lãi suất và phí cho vay: 5,4%/năm. Tiền lãi và phí cho vay này sẽ được tính dồn bắt đầu từ ngày Công ty rút vốn và sẽ được tính trên cơ sở một năm 360 ngày. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn đối với số tiền nợ quá hạn đó.
- Thời gian trả nợ: kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 01/12/2014, gốc vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2023 là 2.180.000.000 đồng.

(ii) Vay Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng vay số 06/2021/HDTD-QBVMT ngày 07/09/2021:

- Mục đích vay: Đầu tư mua sắm xe ép rác chuyên dùng.
- Thời hạn vay: 60 tháng.
- Lãi suất và phí cho vay: 4%/năm, cố định trong suốt thời gian vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	30.603.530.000	-	24.783.300.172	30.476.502.939	21.328.296.910	107.191.630.021
Tăng trong năm	16.495.330.000	20.000.000.000	-	8.531.318.764	11.014.742.584	56.041.391.348
Giảm trong năm	-	-	-	-	19.292.308.146	19.292.308.146
Số dư tại 31/12/2021	47.098.860.000	20.000.000.000	24.783.300.172	39.007.821.703	13.050.731.348	143.940.713.223
Số dư tại 01/01/2022	47.098.860.000	20.000.000.000	24.783.300.172	39.007.821.703	13.050.731.348	143.940.713.223
Tăng trong năm	4.237.590.000	-	-	5.220.292.539	18.500.208.545	27.958.091.084
Giảm trong năm	-	-	-	-	12.068.028.809	12.068.028.809
Số dư tại 31/12/2022	51.336.450.000	20.000.000.000	24.783.300.172	44.228.114.242	19.482.911.084	159.830.775.498

Trang 27

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.133.645	4.709.886
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.133.645	4.709.886
- Cổ phiếu phổ thông	5.133.645	4.709.886
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.133.645	4.709.886
- Cổ phiếu phổ thông	5.133.645	4.709.886
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	13.050.731.348	21.328.296.910
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	18.500.208.545	11.014.742.584
Phân phối lợi nhuận	12.068.028.809	19.292.308.146
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	12.068.028.809	19.292.308.146
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	5.220.292.539	8.531.318.764
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.610.146.270	4.265.659.382
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.237.590.000	6.495.330.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	19.482.911.084	13.050.731.348

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/03/2022.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ 9% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông tại ngày 19/08/2022 và phát hành 423.759 cổ phiếu (tương ứng 4.237.590.000 đồng) để trả cổ tức. Số lượng cổ phiếu lẻ được hủy bỏ.

23. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính	Tại 31/12/2022		
	Số lượng	Nguyên giá	
Tài sản nhận giữ hộ			
Vườn hoa Thành phố	Vườn	1	48.313.000
Nhà lưới vườn ươm	Nhà	1	29.993.463
Máy điều hoà nhiệt độ (2 cái)	Cái	2	45.747.000
Máy điều hoà nhiệt độ	Cái	1	43.948.000

Trang 28

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu cung cấp dịch vụ	190.456.839.661	199.323.488.818
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	27.883.768.115	170.372.710
Thanh lý phế liệu	31.521.564	13.802.730
Cộng	218.372.129.340	199.507.664.258

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	155.410.859.531	157.799.700.719
Giá vốn thành phẩm, hàng hoá	27.596.053.887	119.948.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.656.956)	25.656.956
Cộng	182.981.256.462	157.945.305.675

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.554.918.830	582.336.186
Cộng	3.554.918.830	582.336.186

27. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay	978.113.053	915.706.392
(Hoàn nhập)/Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.668.996.655)	10.672.731.787
Cộng	(1.690.883.602)	11.588.438.179

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
Lương và các khoản trích theo lương	9.049.140.751	8.740.618.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	381.529.205	514.599.443
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.233.571.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	989.022.806	942.890.105
Các khoản khác	3.479.373.047	6.196.357.931
Cộng	16.132.636.809	16.394.465.500

Trang 29

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
Thanh lý tài sản	-	20.722.134
Xử lý nợ phải trả tồn lâu	39.656.000	-
Các khoản khác	3.312.400	834.928
Cộng	42.968.400	21.557.062

30. Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
Lỗ từ thanh lý TSCĐ	1.051.828.624	-
Chi phí khác	27.964.845	822.223
Cộng	1.079.793.469	822.223

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.467.213.432	14.182.525.929
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.367.811.003	1.656.390.796
- Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	1.367.811.003	1.656.390.796
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	24.835.024.435	15.838.916.725
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.967.004.887	3.167.783.345

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.116.641.746	29.029.383.596
Chi phí nhân công	73.485.679.919	71.302.297.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.429.920.861	3.778.279.446
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.129.084.539	49.246.944.512
Chi phí khác bằng tiền	9.320.312.513	13.975.389.659
Cộng	171.481.639.578	167.332.294.400

Trang 30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động, Công ty hoạt động trong bộ phận địa lý duy nhất là Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam và các bộ phận kinh doanh sau:

	Dịch vụ môi trường		Dịch vụ chăm sóc cây xanh		Dịch vụ điện chiếu sáng		Lĩnh vực khác		Tổng cộng	
	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu thuần	68.145.869.328	53.681.099.364	44.132.214.829	37.854.910.000	35.081.673.407	29.577.293.000	71.012.371.776	78.394.361.894	218.372.129.340	199.507.664.258
Giá vốn	59.700.086.358	46.523.272.522	28.354.512.600	19.804.915.594	29.159.798.371	22.367.511.528	65.766.859.133	69.249.606.031	182.981.256.462	157.945.305.675
Lợi nhuận của bộ phận KD	8.445.782.970	7.157.826.842	15.777.702.229	18.049.994.406	5.921.875.036	7.209.781.472	5.245.512.643	5.503.601.488	35.390.872.878	41.562.358.583
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	3.597.887.230	603.893.248
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	15.521.546.676	27.983.725.902
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế									23.467.213.432	14.182.525.929

Trang 31

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá) rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường:

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ khoản vay đã ký kết. Trong đó, nợ vay dài hạn chiếm tỷ trọng lớn và có lãi suất thấp, cố định. Công ty cho rằng không có rủi ro lớn về biến động lãi suất ngoài dự tính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro về biến động giá cả nguyên vật liệu mua vào công ty đã ký kết các hợp đồng với mức giá phù hợp và ổn định nên Công ty cho rằng rủi ro về giá cả nguyên vật liệu, hàng hóa trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Nguồn thu chủ yếu của Công ty từ Ngân sách tỉnh Quảng Ngãi. Với đặc thù trong lĩnh vực môi trường đô thị và khách hàng giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán công nợ kịp thời, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Trang 32

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	41.657.515.900	-	41.657.515.900
Chi phí phải trả	76.787.968	-	76.787.968
Vay và nợ thuê tài chính	7.615.351.521	14.392.088.489	22.007.440.010
Phải trả khác	698.493.777	-	698.493.777
Cộng	50.048.149.166	14.392.088.489	64.440.237.655

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	8.968.623.020	-	8.968.623.020
Chi phí phải trả	1.395.890.500	-	1.395.890.500
Vay và nợ thuê tài chính	3.116.000.000	17.508.088.489	20.624.088.489
Phải trả khác	59.008.917	105.000.000	164.008.917
Cộng	13.539.522.437	17.613.088.489	31.152.610.926

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.926.050.700	-	8.926.050.700
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	815.000.000	-	815.000.000
Phải thu khách hàng	52.357.247.092	-	52.357.247.092
Phải thu về cho vay	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Phải thu khác	2.406.497.122	-	2.406.497.122
Cộng	114.504.794.914	-	114.504.794.914

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.046.905.254	-	13.046.905.254
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.300.000.000	-	15.300.000.000
Phải thu khách hàng	65.669.261.300	-	65.669.261.300
Phải thu về cho vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khác	617.322.725	-	617.322.725
Cộng	104.633.489.279	-	104.633.489.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CP Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa	Công ty mẹ
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	Công ty con
Công ty CP Phát triển Đầu tư Hợp Nhất	Công ty liên quan Thành viên HĐQT
Công ty CP Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất	Công ty liên quan Thành viên HĐQT
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng (*)	Công ty liên quan Thành viên HĐQT
Công ty CP Thiết bị cơ giới và Khai thác khoáng sản Hợp Nghĩa	Công ty liên quan Thành viên HĐQT
Công ty CP Hưng Thịnh Quảng Ngãi (**)	Công ty liên quan Thành viên HĐQT

(*) Từ 02/03/2022, Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng không còn là bên liên quan của Công ty.

(**) Từ 01/08/2022, Công ty CP Hưng Thịnh Quảng Ngãi không còn là bên liên quan của Công ty.

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022	Năm 2021
Bán hàng			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng	Cung cấp dịch vụ	-	7.954.351.818
	Bán vật tư, hàng hóa	148.638.000	-
Công ty CP Thiết bị cơ giới và Khai thác khoáng sản Hợp Nghĩa	Cung cấp dịch vụ	464.366.667	-
	Bán vật tư, hàng hóa	107.753.090	-
Công ty CP Phát triển Đầu tư Hợp Nhất	Cung cấp dịch vụ	166.666.668	-
	Bán vật tư, hàng hóa	42.372.242	-
Mua hàng			
Công ty CP Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất	Mua nguyên liệu	7.447.144.998	3.717.870.065
Công ty CP Hưng Thịnh Quảng Ngãi	Mua vật tư	632.884.570	-
Công ty CP Phát triển Đầu tư Hợp Nhất	Mua vật tư	43.435.000	-
	Mua dịch vụ	9.205.751.340	-
	Mua tài sản cố định	67.636.364	-
Khác			
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	Cho vay	50.000.000.000	-
	Lãi cho vay	1.667.945.205	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

			Năm 2022	Năm 2021
Lê Đăng Triều	Chủ tịch HĐQT	Lương, thưởng	417.117.208	417.609.351
Bùi Văn Quang	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	407.860.966	154.110.797
Vương Hùng Văn	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	216.425.995	375.240.893
Đoàn Nhật Linh	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc thường trực	Lương, thưởng	344.554.899	360.596.562
Nguyễn Thị Thu Dung	Phó Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	272.294.177	332.653.079
Trần Thị Thanh Nga	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	320.222.522	315.573.089
Phạm Tấn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	318.269.256	319.085.640
Cao Văn ca	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	182.867.230	168.161.125
Hồ Tấn Hóa	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	260.572.966	337.127.801
Trương Minh Phương	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	197.999.280	236.804.765
Võ Văn Hưng	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	286.760.671	265.887.004

(*) Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất không nhận thù lao Hội đồng quản trị.

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

37. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC.


Tổng Giám đốc
Bùi Văn Quang

Kế toán trưởng

Võ Văn Hưng

Người lập

Lê Thị Hồng My

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐƯỢC KIỂM TOÁN (phụ lục đính kèm báo cáo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI

MQN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐƯỢC KIỂM TOÁN Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Báo cáo tài chính
 - Bảng cân đối kế toán
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi theo Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4300225555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 16/12/2009, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300225555) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/09/2022.

Vốn điều lệ: 51.336.450.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2022: 51.336.450.000 đồng.

Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 344/QĐ-SGDHN ngày 15/06/2018 với mã chứng khoán là MQN.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đường Tô Hiến Thành, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
- Điện thoại: (84) 255.3816930
- Fax: (84) 255.3816930

Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Trang 1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai khoáng chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình điện;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm;
- Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm;
- Xử lý hạt giống để nhân giống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất điện;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;

Trang 2

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất hoá chất cơ bản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

Nhân sự

Tổng số người lao động hiện có đến cuối năm tài chính là 620 người. Trong đó, bộ phận quản lý là 09 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|--------------|--|
| • Ông Lê Đăng Triều | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/01/2021 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Dung | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/01/2021 |
| • Ông Trần Thanh Minh | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020 |
| • Ông Đoàn Nhật Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |
| • Ông Bùi Văn Quang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26/03/2022 |
| • Ông Vương Hùng Văn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
Miễn nhiệm ngày 26/03/2022 |
| • Ông Hồ Tấn Hóa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
Miễn nhiệm ngày 26/03/2022 |
| • Ông Trương Minh Phương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
Miễn nhiệm ngày 26/03/2022 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Phạm Thị Bích Lai | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020 |
| • Bà Nguyễn Thị Anh Tuyền | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020 |
| • Ông Phạm Đức Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/12/2020 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|-------------------------------|--|
| • Ông Bùi Văn Quang | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 07/07/2021 |
| • Ông Đoàn Nhật Linh | Phó Tổng Giám đốc thường trực | Bổ nhiệm ngày 07/12/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Dung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/09/2020 |
| • Bà Trần Thị Thanh Nga | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2021 |
| • Ông Phạm Tấn Vũ | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/02/2021 |
| • Ông Vương Hùng Văn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 07/12/2022 |
| • Ông Cao Văn Ca | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 07/12/2022 |
| • Ông Võ Văn Hưng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 08/03/2021 |
| • Ông Hồ Tấn Hóa | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
Miễn nhiệm ngày 18/09/2022 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
Bùi Văn Quang

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 03 năm 2023

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 282/2023/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 13/03/2023 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 7 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Ngọc Viễn – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4868-2019-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		211.562.890.438	174.039.729.454
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	21.883.034.546	14.944.202.448
1. Tiền	111		21.883.034.546	12.744.202.448
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		815.000.000	15.300.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	815.000.000	15.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.780.871.902	128.724.510.626
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	100.939.837.752	95.899.842.541
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	8.675.875.413	7.403.592.612
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	-	16.570.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	22.801.027.098	9.001.120.473
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(7.635.868.361)	(150.045.000)
IV. Hàng tồn kho	140	12	58.214.319.201	11.483.434.520
1. Hàng tồn kho	141		58.214.319.201	11.509.091.476
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(25.656.956)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.869.664.789	3.587.581.860
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15.a	1.894.803.587	2.629.151.557
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.974.861.202	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	958.430.303
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			125.531.687.374	100.092.684.470
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.655.083.750	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9.b	42.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	2.613.083.750	-
II. Tài sản cố định	220	13	96.624.869.681	73.313.945.540
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	96.624.869.681	73.313.945.540
- Nguyên giá	222		183.322.410.331	156.766.339.078
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.697.540.650)	(83.452.393.538)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.462.233.292	2.884.899.181
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	3.462.233.292	2.884.899.181
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		22.789.500.651	23.893.839.749
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15.b	7.241.570.305	6.413.773.039
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		90.839.437	90.839.437
3. Lợi thế thương mại	269	16	15.457.090.909	17.389.227.273
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		337.094.577.812	274.132.413.924

Thuyết minh kèm theo từ trang 11 đến trang 36 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất này

Trang 7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. Nợ phải trả	300		138.111.719.511	90.123.260.463
I. Nợ ngắn hạn	310		118.816.883.996	67.039.625.617
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	66.566.092.564	21.046.354.203
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.400.000	2.100.000
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	18	4.552.928.061	4.738.547.572
4. Phải trả người lao động	314		16.808.386.808	13.326.370.451
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.976.218.092	11.357.231.697
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	150.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	1.366.462.725	206.165.421
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.a	26.473.985.698	14.250.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.044.410.048	1.962.856.273
II. Nợ dài hạn	330		19.294.835.515	23.083.634.846
1. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	-	105.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.b	17.694.088.489	20.844.088.489
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.600.747.026	2.134.546.357
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		198.982.858.301	184.009.153.461
I. Vốn chủ sở hữu	410		168.265.337.224	153.291.632.384
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	51.336.450.000	47.098.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.336.450.000	47.098.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	20.000.000.000	20.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	22	24.783.300.172	24.783.300.172
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	44.228.114.242	39.007.821.703
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	25.897.393.603	20.515.655.158
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.447.626.349	2.035.988.764
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.449.767.254	18.479.666.394
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	22	2.020.079.207	1.885.995.351
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		30.717.521.077	30.717.521.077
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		30.717.521.077	30.717.521.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		337.094.577.812	274.132.413.924

Tổng Giám đốc
Bùi Văn Quang
Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng
Võ Văn Hưng

Người lập biểu
Lê Thị Hồng My

Thuyết minh kèm theo từ trang 11 đến trang 36 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất này

Trang 8

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	25	375.378.273.108	312.307.318.473
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		375.378.273.108	312.307.318.473
4. Giá vốn hàng bán	11	26	312.124.193.129	260.800.341.260
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		63.254.079.979	51.506.977.213
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.348.724.911	700.589.525
7. Chi phí tài chính	22	28	2.221.078.220	1.185.964.475
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.221.078.220	1.185.964.475
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	39.423.230.011	27.094.335.510
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.958.496.659	23.927.266.753
12. Thu nhập khác	31	30	290.088.340	1.834.989.172
13. Chi phí khác	32	31	2.015.444.094	1.680.612.191
14. Lợi nhuận khác	40		(1.725.355.754)	154.376.981
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.233.140.905	24.081.643.734
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	5.183.089.126	3.204.469.932
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(533.799.331)	2.043.706.920
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		17.583.851.110	18.833.466.882
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		17.449.767.254	18.770.110.609
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		134.083.856	63.356.273
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.678	3.283
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	2.678	3.283



Bùi Văn Quang

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Võ Văn Hưng

Người lập biểu

Lê Thị Hồng My

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.233.140.905	24.081.643.734
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13	10.490.922.728	8.455.094.447
- Các khoản dự phòng	03		7.460.166.405	25.656.956
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(404.003.709)	(1.183.203.477)
- Chi phí lãi vay	06	28	2.221.078.220	1.185.964.475
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		42.001.304.549	32.565.156.135
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26.096.765.106)	(35.747.078.515)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(46.705.227.725)	(932.813.545)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể	11		18.417.374.747	23.634.788.693
- lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)				
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(93.449.296)	(5.450.356.016)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.152.725.098)	(1.089.482.298)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(36.686.587)	(6.653.953.843)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.528.592.495)	(2.641.435.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.194.767.011)	3.684.824.811
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(18.663.722.423)	(19.400.768.375)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		1.008.852.469	586.096.796
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.070.000.000)	(16.570.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		36.083.000.000	18.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(36.887.909.792)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.701.483.365	772.250.935
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.059.613.411	(52.800.330.436)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	30.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	21	55.230.069.137	30.171.010.098
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(46.156.083.439)	(16.606.505.798)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.073.985.698	43.564.504.300
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.938.832.098	(5.551.001.325)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	14.944.202.448	20.495.203.773
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	21.883.034.546	14.944.202.448



Bùi Văn Quang

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Võ Văn Hưng

Người lập biểu

Lê Thị Hồng My

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi theo Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4300225555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 16/12/2009, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300225555) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/09/2022.

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Hoạt động dịch vụ chăm sóc, duy trì cây xanh, thảm cỏ, cây trang trí;
- Quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông, đèn trang trí;
- Thi công các công trình: thoát nước, vỉa hè, bãi xử lý rác, các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.3. Cấu trúc Công ty

Công ty có 03 công ty con và 01 công ty liên kết, cụ thể:

Công ty con:

STT	Tên Công ty	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	Số 2181 Đại lộ Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Cung cấp dịch vụ công ích và xây dựng	95,74%	95,74%
2.	Công ty TNHH Xây dựng Công trình Đô thị Việt Trì	Nhà số 04, Phố Thi Đua, Phường Tiên Cát, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Xây dựng công trình	100%	95,74%
3.	Công ty TNHH Nhà ở Xã hội Minh Phương	Số 2181 Đại lộ Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Kinh doanh bất động sản, nhà ở xã hội	100%	95,74%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty liên kết:

Tên Công ty	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Ghi chú
Công ty Cổ phần Xử lý rác Tổng hợp Quảng Ngãi	Đường Tô Hiến Thành, P.Trần Phú, TP.Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	50%	Chưa hoạt động

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty mẹ và Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất này. Ngoài ra, không có Công ty con nào bị loại bỏ khỏi quá trình hợp nhất.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chi tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chi tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 – 6
Tài sản cố định khác	5 – 20

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty là chi phí lãi vay được xác định dựa trên hợp đồng vay đã ký với bên cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.11 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng. Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.12 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.13 Thuế hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuế tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Dịch vụ duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố; Chiếu sáng công cộng bao gồm chiếu sáng đường phố, ngõ, xóm trong khu dân cư, vườn hoa, công viên; Dịch vụ lễ tang và mai táng: thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - Hoạt động bán, cho thuê nhà ở xã hội áp dụng mức thuế suất GTGT là 5%;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Hàng hóa, dịch vụ khác: áp dụng theo thuế suất hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%. Riêng đối với thu nhập từ bán, cho thuê nhà ở xã hội của Công ty TNHH Nhà ở xã hội Minh Phương áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	9.989.439.045	923.753.105
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.893.595.501	11.820.449.343
Các khoản tương đương tiền	-	2.200.000.000
Cộng	21.883.034.546	14.944.202.448

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	815.000.000	815.000.000	15.300.000.000	15.300.000.000
Cộng	815.000.000	815.000.000	15.300.000.000	15.300.000.000

Tại thời điểm 31/12/2022, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

Trong đó, số tiền: 315.000.000 đồng đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Quảng Ngãi.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
BQL Các Dự án ĐTXD và PT quỹ đất TP Quảng Ngãi	11.526.977.000	21.520.318.000
BQL DA XD Công trình Hạ tầng Thành phố Việt Trì	29.740.761.192	16.260.939.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng	21.334.044.441	9.723.879.000
Các khoản nợ không rõ đối tượng (*)	1.922.244.641	2.019.044.641
Các đối tượng khác	36.415.810.478	46.375.661.900
Cộng	100.939.837.752	95.899.842.541

(*) Là các khoản nợ phải thu khách hàng không rõ đối tượng, không có đầy đủ hồ sơ và đã được trích lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

dự phòng 100% tại Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì.

Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng (*)	Các Công ty liên	-	9.723.879.000
Công ty CP Thiết bị cơ giới và Khai thác Khoáng sản Hợp Nghĩa	quan Thành viên HĐQT	2.603.572.399	2.124.933.000
Cộng		2.603.572.399	11.848.812.000

(*) Từ 02/03/2022, Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng không còn là bên liên quan của Công ty.

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Công trình	430.835.650	430.835.650
Công ty CP Thiết kế và Xây dựng Đức Việt	515.450.500	210.000.000
Công ty CP Phân phối gốm sứ Bát Tràng	570.000.000	-
Các khoản nợ không rõ đối tượng (*)	3.264.433.682	3.264.433.682
Các đối tượng khác	3.895.155.581	3.498.323.280
Cộng	8.675.875.413	7.403.592.612

(*) Là các khoản trả trước cho người bán không rõ đối tượng, không có đầy đủ hồ sơ (trong đó phát sinh trước cổ phần hóa tháng 06/2006 là 2.448.923.186 đồng), đã được trích lập dự phòng 100% tại Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì.

9. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Hợp Nghĩa (bên liên quan)	-	10.000.000.000
Ông Trần Thanh Minh (bên liên quan)	-	6.570.000.000
Cộng	-	16.570.000.000

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Bà Lương Thị Hiệp	42.000.000	-
Cộng	42.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	21.266.412.800	-	7.364.572.000	-
- Ông Trần Quang Quân (*)	8.275.370.000	-	5.636.300.000	-
- Bà Nguyễn Hồng Loan (*)	12.600.000.000	-	1.000.000.000	-
- Đối tượng khác	391.042.800	-	728.272.000	-
Lãi dự thu	35.171.917	-	387.930.371	-
Ký quỹ, ký cược	11.380.000	-	364.372.628	-
BHXH	-	-	251.076	-
Các khoản nợ không rõ đối tượng (**)	206.713.398	(65.574.038)	206.713.398	-
Ký quỹ lái xe	692.000.000	-	105.700.000	-
Phải thu khác	589.348.983	-	571.581.000	-
Cộng	22.801.027.098	(65.574.038)	9.001.120.473	-

(*) Đây là khoản tạm ứng cho 02 thành viên trong Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì để phục vụ các công việc của Công ty, tìm hiểu các cơ hội đầu tư mới: Đầu tư các công trình xây dựng cơ bản, đầu tư Bất động sản,...

(**) Là các khoản phải thu khác không rõ đối tượng, không có đầy đủ hồ sơ tại Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì, đã trích lập dự phòng là 65.574.038 đồng.

b. Dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.613.083.750	-	-	-
Cộng	2.613.083.750	-	-	-
CĐKT	2.613.083.750	-	-	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022	01/01/2022
Số đầu năm	150.045.000	150.045.000
Trích lập dự phòng tăng trong năm	7.485.823.361	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Giảm dự phòng do xử lý nợ trong năm	-	-
Số cuối năm	7.635.868.361	150.045.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.297.741.606	-	2.879.525.682	(25.071.500)
Công cụ, dụng cụ	1.300.649.655	-	385.362.439	(305.456)
Chi phí SX, KD dở dang	45.265.175.946	-	4.971.677.978	-
Thành phẩm	241.853.668	-	1.131.248.129	(280.000)
Hàng hóa	108.898.326	-	2.141.277.248	-
Cộng	58.214.319.201	-	11.509.091.476	(25.656.956)

- Không có hàng tồn kho tồn đọng, kém phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2022.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2022.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác (*)	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	15.334.166.925	2.500.750.669	100.107.380.585	541.388.122	38.282.652.777	156.766.339.078
Mua sắm trong năm	1.632.276.024	278.249.327	32.472.685.188	32.727.273	-	34.415.937.812
T/lý, nhượng bán	4.362.292.544	-	3.392.749.515	104.824.500	-	7.859.866.559
Số cuối năm	12.604.150.405	2.778.999.996	129.187.316.258	469.290.895	38.282.652.777	183.322.410.331
Khấu hao						
Số đầu năm	9.971.231.239	2.148.256.904	63.667.781.915	334.838.144	7.330.285.336	83.452.393.538
Khấu hao trong năm	714.094.190	117.957.767	7.606.921.481	75.146.802	44.666.124	8.558.786.364
T/lý, nhượng bán	3.463.503.269	-	1.745.311.483	104.824.500	-	5.313.639.252
Số cuối năm	7.221.822.160	2.266.214.671	69.529.391.913	305.160.446	7.374.951.460	86.697.540.650
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.362.935.686	352.493.765	36.439.598.670	206.549.978	30.952.367.441	73.313.945.540
Số cuối năm	5.382.328.245	512.785.325	59.657.924.345	164.130.449	30.907.701.317	96.624.869.681

(*) Trong tài sản cố định khác có tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước với tổng nguyên giá: 37.327.620.554 đồng, hao mòn lũy kế tính đến 31/12/2015 là 6.610.099.477 đồng. Theo quy định tại điểm 4, Điều 1, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính, Công ty không phải trích khấu hao từ 01/01/2016 đến nay mà chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng năm của từng tài sản và không được ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản. Theo đó, giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản này tính đến 31/12/2022 là 37.327.620.554 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022: 47.179.309.703 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ đem cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 21.878.794.220 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí đầu tư dự án nghĩa trang An Lạc Viên	80.559.091	80.559.091
Trụ sở Văn phòng làm việc Công ty	654.053.202	76.719.091
Công trình đường bê tông, san nền	2.727.620.999	2.727.620.999
Cộng	3.462.233.292	2.884.899.181

15. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	650.719.637	2.275.625.813
Chi phí bảo hiểm ô tô	151.227.912	239.324.288
Phí đường bộ	3.960.000	67.230.805
Chi phí sửa chữa	482.637.559	-
Chi phí trả trước khác	606.258.479	46.970.652
Cộng	1.894.803.587	2.629.151.557

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.764.865.749	5.132.972.203
Chi phí sửa chữa	1.760.630.182	710.557.830
Phí đường bộ	14.685.781	37.509.927
Các khoản khác	701.388.593	532.733.079
Cộng	7.241.570.305	6.413.773.039

16. Lợi thế thương mại

	Năm 2022	Năm 2021
Giá trị đầu năm	17.389.227.273	-
Tăng trong năm	-	19.321.363.637
Giảm trong năm do phân bổ	1.932.136.364	1.932.136.364
Giá trị cuối năm	15.457.090.909	17.389.227.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	16.635.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng (*)	10.581.364.000	-
Công ty CP Hữu Nghị Phú Thọ	3.015.831.969	-
Các đối tượng khác	36.333.896.595	21.046.354.203
Cộng	66.566.092.564	21.046.354.203

Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư Thương mại Petro Dung	Các Công ty liên quan Thành viên HĐQT	411.200.000	-
Công ty CP Phát triển Đầu tư Hợp nhất		2.437.281.500	714.952.220
Cộng		6.785.039.407	714.952.220

(*) Từ 02/03/2022, Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng không còn là bên liên quan của Công ty.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	4.704.659.108	7.507.798.735	11.863.540.427	-	348.917.416
Thuế thu nhập doanh nghiệp	958.430.303	-	5.183.089.126	36.686.587	-	4.187.972.236
Thuế thu nhập cá nhân	-	32.883.584	111.908.655	128.753.830	-	16.038.409
Thuế tài nguyên	-	1.004.880	46.687.696	47.692.576	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.600.269.196	1.600.269.196	-	-
Các loại thuế khác	-	-	23.791.391	23.791.391	-	-
Phí, lệ phí và các khoản p/n khác	-	-	37.849.790	37.849.790	-	-
Cộng	958.430.303	4.738.547.572	14.511.394.589	13.738.583.797	-	4.552.928.061

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Trích trước chi phí lãi vay	228.627.183	160.274.061
Chi phí nguyên vật liệu	1.747.590.909	5.259.536.182
Các khoản khác	-	5.937.421.454
Cộng	1.976.218.092	11.357.231.697

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Thuế TNCN	6.493.777	19.352.917
Đoàn phí Công đoàn, Kinh phí Công đoàn, BHXH	486.722.468	29.949.600
Nhận ký cược, ký quỹ (*)	692.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	181.246.480	156.862.904
Cộng	1.366.462.725	206.165.421

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn (*)	-	105.000.000
Cộng	-	105.000.000

(*) Nhận ký quỹ trách nhiệm của lái xe và Công ty đã gửi toàn bộ số tiền này vào tài khoản tiết kiệm của từng lái xe theo hợp đồng 3 bên với Ngân hàng, tương ứng với khoản phải thu ngắn hạn khác tại Thuyết minh số 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	10.300.000.000	54.230.069.137	42.206.083.439	22.323.985.698
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Quảng Ngãi	-	4.499.351.521	-	4.499.351.521
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ngãi	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hùng Vương	-	13.230.717.616	7.906.083.439	5.324.634.177
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Hợp Nghĩa	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hồng Lê	300.000.000	1.000.000.000	1.300.000.000	-
- Bà Đặng Phương Thanh	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
- Bà Hà Thị Thúy Nga	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
- Ông Vũ Xuân Vinh	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
- Ông Đặng Đức Mạnh	-	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.950.000.000	4.150.000.000	3.950.000.000	4.150.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi (i1)	2.180.000.000	2.180.000.000	2.180.000.000	2.180.000.000
- Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi (i2)	936.000.000	936.000.000	936.000.000	936.000.000
- Quỹ bảo vệ Môi trường Tỉnh Phú Thọ (i3)	580.000.000	780.000.000	580.000.000	780.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vương (i4)	254.000.000	254.000.000	254.000.000	254.000.000
Cộng	14.250.000.000	58.380.069.137	46.156.083.439	26.473.985.698

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi (i1)	14.170.000.000	-	2.180.000.000	11.990.000.000
- Ngân sách Tỉnh Quảng Ngãi	2.008.088.489	-	-	2.008.088.489
- Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi (i2)	4.446.000.000	-	936.000.000	3.510.000.000
- Quỹ bảo vệ Môi trường Tỉnh Phú Thọ (i3)	2.900.000.000	1.000.000.000	580.000.000	3.320.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vương (i4)	1.270.000.000	-	254.000.000	1.016.000.000
Cộng	24.794.088.489	1.000.000.000	3.950.000.000	21.844.088.489

(i1) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Ngãi theo Hiệp định vay phụ ngày 05/05/2004. Mục đích vay: Đầu tư cho dự án "Cải thiện Môi trường Đô thị Miền Trung". Thời hạn vay: 240 tháng (Trong đó bao gồm thời gian ân hạn là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên). Lãi suất và phí cho vay: 5,4%/năm. Tiền lãi và phí cho vay này sẽ được tính dồn bắt đầu từ ngày Công ty rút vốn và sẽ được tính trên cơ sở một năm 360 ngày. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn đối với

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

số tiền nợ quá hạn đó. Thời gian trả nợ: kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 01/12/2014, gốc vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2022 là 2.180.000.000 đồng.

(i2) Vay Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng vay số 06/2021/HĐTD-QBVMVT ngày 07/09/2023. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm xe ép rác chuyên dùng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất và phí cho vay: 4%/năm, cố định trong suốt thời gian vay.

(i3) Vay dài hạn Quỹ bảo vệ Môi trường Tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng số 01./2021/HĐTD-QBVMVT ngày 15/10/2021 để đầu tư mới xe ô tô cuốn ép chớ rác, ô tô xi téc phun nước rửa đường tại địa bàn thành phố Việt Trì và các vùng lân cận. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là 2%/năm. Tổng hạn mức vay là 2.900.000.000 đồng.

Vay dài hạn Quỹ bảo vệ Môi trường Tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/HĐTD-QBVMVT ngày 19/04/2022 để đầu tư máy đào xúc bánh lốp kèm phụ kiện đồng bộ để thu gom rác thải, xử lý sự cố môi trường tại Thành phố Việt Trì. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là 2%/năm. Tổng hạn mức vay là 1.000.000.000 đồng.

(i4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - CN Hùng Vương theo hợp đồng số 02/2021/7609549/HĐTD ngày 14/10/2021 để đầu tư xe mới ô tô tải cầu, BKS: 19C-181.86. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là 9% cố định trong 1 năm, sau đó điều chỉnh 03 tháng/1 lần theo quy định của BIDV. Tổng hạn mức vay là 1.270.000.000 đồng.

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế
Số dư tại 01/01/2021	30.603.530.000	-	24.783.300.172	30.476.502.939	21.328.296.910
Tăng trong năm	16.495.330.000	20.000.000.000	-	8.531.318.764	18.770.110.609
Giảm trong năm	-	-	-	-	19.582.752.361
Số dư tại 31/12/2021	47.098.860.000	20.000.000.000	24.783.300.172	39.007.821.703	20.515.655.158
Số dư tại 01/01/2022	47.098.860.000	20.000.000.000	24.783.300.172	39.007.821.703	20.515.655.158
Tăng trong năm	4.237.590.000	-	-	5.220.292.539	17.449.767.254
Giảm trong năm	-	-	-	-	12.068.028.809
Số dư tại 31/12/2022	51.336.450.000	20.000.000.000	24.783.300.172	44.228.114.242	25.897.393.603

b. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.133.645	4.709.886
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.133.645	4.709.886
- Cổ phiếu thường	5.133.645	4.709.886
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.133.645	4.709.886
- Cổ phiếu thường	5.133.645	4.709.886
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

Trang 27

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	20.515.655.158	21.328.296.910
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	17.449.767.254	18.770.110.609
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	(290.444.215)
Phân phối lợi nhuận năm trước (i)	12.068.028.809	19.292.308.146
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	5.220.292.539	8.531.318.764
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.610.146.270	4.265.659.382
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.237.590.000	6.495.330.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	25.897.393.603	20.515.655.158

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/03/2022.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ 9% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông tại ngày 19/08/2022 và phát hành 423.759 cổ phiếu (tương ứng 4.237.590.000 đồng) để trả cổ tức. Số lượng cổ phiếu lẻ được hủy bỏ.

23. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát ngày đầu năm	1.885.995.351	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng trong năm	134.083.856	1.885.995.351
- Tăng tại ngày mua	-	1.532.194.863
- Tăng từ phát hành thêm CP	-	290.444.215
- Tăng từ kết quả kinh doanh	134.083.856	63.356.273
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát giảm trong năm	-	-
Cộng	2.020.079.207	1.885.995.351

24. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Đơn vị tính	Tại 31/12/2022	
		Số lượng	Nguyên giá
Tài sản nhận giữ hộ			
Vườn hoa Thành phố	Vườn	1	48.313.000
Nhà lưới vườn ươm	Nhà	1	29.993.463
Máy điều hoà nhiệt độ (2 cái)	Cái	2	45.747.000
Máy điều hoà nhiệt độ	Cái	1	43.948.000

Trang 28

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu cung cấp dịch vụ	346.908.264.712	311.857.543.033
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	28.438.486.832	435.972.710
Thanh lý phế liệu	31.521.564	13.802.730
Cộng	375.378.273.108	312.307.318.473

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	284.034.517.755	260.517.602.213
Giá vốn thành phẩm, hàng hoá (Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	28.115.332.330 (25.656.956)	257.082.091 25.656.956
Cộng	312.124.193.129	260.800.341.260

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.348.724.911	700.589.525
Cộng	2.348.724.911	700.589.525

28. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay	2.221.078.220	1.185.964.475
Cộng	2.221.078.220	1.185.964.475

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
Lương và các khoản trích theo lương	17.397.794.976	14.237.266.534
Phân bổ lợi thế thương mại	1.932.136.364	1.932.136.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	832.914.593	619.228.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.023.485.284	2.082.947.348
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.485.823.361	-
Các khoản khác	9.751.075.433	8.222.756.369
Cộng	39.423.230.011	27.094.335.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
Xử lý công nợ	286.727.931	1.243.867.471
Thu nhập khác	3.360.409	591.121.701
Cộng	290.088.340	1.834.989.172

31. Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
Truy thu thuế, phạt vi phạm hành chính	32.973.090	248.070.131
Thanh lý TSCĐ	1.944.721.202	82.542.060
Chi phí khác	37.749.802	1.350.000.000
Cộng	2.015.444.094	1.680.612.191

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	22.233.140.905	24.081.643.734
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	3.682.304.724	(8.059.294.073)
- Điều chỉnh tăng	6.011.702.005	4.425.719.311
+ Chi phí không được trừ khác	1.410.568.986	2.039.385.764
+ Chênh lệch chưa thực hiện tại Công ty con	-	454.197.183
+ Phân bổ lợi thế thương mại	1.932.136.364	1.932.136.364
+ Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con	2.668.996.655	-
- Điều chỉnh giảm	2.329.397.281	12.485.013.384
+ Chuyển lỗ	2.329.397.281	1.812.281.597
+ Trích dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con	-	10.672.731.787
Tổng thu nhập chịu thuế	25.915.445.629	16.022.349.661
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.183.089.126	3.204.469.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.449.767.254	18.770.110.609
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(3.700.041.709)	(2.610.146.270)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	3.700.041.709	2.610.146.270
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	13.749.725.545	16.159.964.339
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.133.645	4.922.686
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	2.678	3.283

Chỉ tiêu Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 thay đổi do điều chỉnh số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt và hồi tố số lượng cổ phiếu trả cổ tức trong năm 2022. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo phương án Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua.

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	97.134.369.038	86.570.126.748
Chi phí nhân công	139.827.369.752	118.750.675.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định, lợi thế thương mại	10.490.922.728	8.455.094.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.336.811.640	45.948.625.617
Chi phí khác bằng tiền	17.649.251.091	26.412.981.783
Cộng	320.438.724.249	286.137.504.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động, Công ty hoạt động tại thị trường địa lý là Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam và tỉnh Phú Thọ, Việt Nam:

	Quảng Ngãi		Phú Thọ		Tổng cộng	
	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu thuần	218.372.129.340	199.492.209.713	157.006.143.768	112.815.108.760	375.378.273.108	312.307.318.473
Giá vốn	182.981.256.462	157.945.305.675	129.142.936.667	102.855.035.585	312.124.193.129	260.800.341.260
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.064.773.173	18.326.601.864	21.358.456.838	8.767.733.646	39.423.230.011	27.094.335.510
Lợi nhuận của bộ phận KD	17.326.099.705	23.220.302.174	6.504.750.263	1.192.339.529	23.830.849.968	24.412.641.703
Doanh thu hoạt động tài chính	3.554.918.830	582.336.186	461.751.286	118.253.339	4.016.670.116	700.589.525
Chi phí tài chính	978.113.053	915.706.392	2.910.910.372	270.258.083	3.889.023.425	1.185.964.475
Lợi nhuận khác	(1.036.825.069)	20.734.839	(688.530.685)	133.642.142	(1.725.355.754)	154.376.981
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					22.233.140.905	24.081.643.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá) rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường:

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ khoản vay đã ký kết. Đây là khoản vay dài hạn với lãi suất thấp và cố định. Do đó, Công ty cho rằng không có rủi ro lớn về biến động lãi suất ngoài dự tính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro về biến động giá cả nguyên vật liệu mua vào công ty đã ký kết các hợp đồng với mức giá phù hợp và ổn định nên Công ty cho rằng rủi ro về giá cả nguyên vật liệu, hàng hóa trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Nguồn thu chủ yếu của Công ty từ Ngân sách tỉnh Quảng Ngãi, Ngân sách Thành phố Việt Trì,... Với đặc thù trong lĩnh vực môi trường đô thị và khách hàng giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán công nợ kịp thời, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	66.566.092.564	-	66.566.092.564
Chi phí phải trả	1.976.218.092	-	1.976.218.092
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	26.473.985.698	17.694.088.489	44.168.074.187
Phải trả khác	873.246.480	-	873.246.480
Cộng	95.889.542.834	17.694.088.489	113.583.631.323
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	21.046.354.203	-	21.046.354.203
Chi phí phải trả	11.357.231.697	-	11.357.231.697
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	14.250.000.000	20.844.088.489	35.094.088.489
Phải trả khác	156.862.904	105.000.000	261.862.904
Cộng	46.810.448.804	20.949.088.489	67.759.537.293

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	21.883.034.546	-	21.883.034.546
Phải thu khách hàng	100.939.837.752	-	100.939.837.752
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	815.000.000	-	815.000.000
Phải thu về cho vay	-	42.000.000	42.000.000
Phải thu khác	1.327.900.900	2.613.083.750	3.940.984.650
Cộng	124.965.773.198	2.655.083.750	127.620.856.948
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	14.944.202.448	-	14.944.202.448
Phải thu khách hàng	95.899.842.541	-	95.899.842.541
Phải thu về cho vay	16.570.000.000	-	16.570.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.300.000.000	-	15.300.000.000
Phải thu khác	1.429.583.999	-	1.429.583.999
Cộng	144.143.628.988	-	144.143.628.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CP Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa	Công ty mẹ
Công ty CP Phát triển Đầu tư Hợp Nhất	Công ty liên quan Thành viên HĐQT
Công ty CP Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất	Công ty liên quan Thành viên HĐQT
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng (*)	Công ty liên quan Thành viên HĐQT
Công ty CP Thiết bị cơ giới và Khai thác khoáng sản Hợp Nghĩa	Công ty liên quan Thành viên HĐQT
Công ty CP Hưng Thịnh Quảng Ngãi (**)	Công ty liên quan Thành viên HĐQT
Công ty CP Xử lý rác Tổng hợp Quảng Ngãi	Công ty liên kết

(*) Từ 02/03/2022, Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng không còn là bên liên quan của Công ty.

(**) Từ 01/08/2022, Công ty CP Hưng Thịnh Quảng Ngãi không còn là bên liên quan của Công ty.

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022	Năm 2021
Bán hàng			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng	Cung cấp dịch vụ	-	7.954.351.818
	Bán vật tư, hàng hóa	148.638.000	-
Công ty CP Thiết bị cơ giới và Khai thác khoáng sản Hợp Nghĩa	Cung cấp dịch vụ	464.366.667	-
	Bán vật tư, hàng hóa	107.753.090	-
Công ty CP Phát triển Đầu tư Hợp Nhất	Cung cấp dịch vụ	166.666.668	-
	Bán vật tư, hàng hóa	42.372.242	-
Mua hàng			
Công ty CP Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất	Mua nguyên liệu	7.447.144.998	3.717.870.065
Công ty CP Hưng Thịnh Quảng Ngãi	Mua vật tư	632.884.570	-
Công ty CP Phát triển Đầu tư Hợp Nhất	Mua vật tư	43.435.000	-
	Mua dịch vụ	9.205.751.340	-
	Mua tài sản cố định	67.636.364	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

			Năm 2022	Năm 2021
Lê Đăng Triều	Chủ tịch HĐQT	Lương, thưởng	417.117.208	417.609.351
Bùi Văn Quang	Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	407.860.966	154.110.797
Vương Hùng Văn	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	216.425.995	375.240.893
Đoàn Nhật Linh	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	344.554.899	360.596.562
	Phó Tổng Giám đốc thường trực			
Nguyễn Thị Thu Dung	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	272.294.177	332.653.079
	Phó Tổng Giám đốc			
Trần Thị Thanh Nga	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	320.222.522	315.573.089
Phạm Tấn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	318.269.256	319.085.640
Cao Văn Ca	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	182.867.230	168.161.125
Hồ Tấn Hóa	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	260.572.966	337.127.801
	Phó Tổng Giám đốc			
Trương Minh Phương	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	197.999.280	236.804.765
	Phó Tổng Giám đốc			
Võ Văn Hưng	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	286.760.671	265.887.004

(*) Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất không nhận thù lao Hội đồng quản trị.


38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính


Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC.


Tổng Giám đốc
Bùi Văn Quang

Kế toán trưởng

Võ Văn Hưng

Người lập

Lê Thị Hồng My

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI**

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 4 năm 2023
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Quang